



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 18/2022
Từ 09/5 - 13/5/2022

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

**BAN HÀNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐẾN NĂM 2030**

Ngày 11/5/2022, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 569/QĐ-TTg ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

Theo đó, mục tiêu cụ thể của Chiến lược là nâng cao đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng kinh tế thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các viện nghiên cứu và trường đại học, hoạt động đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, tổ chức trong doanh nghiệp.

Đồng thời, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng phát triển công nghiệp mũi nhọn, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo, góp phần quan trọng vào cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, đưa nước ta trở thành nước có công nghiệp hiện đại vào năm 2030; tham gia tích cực, hiệu quả và tận dụng lợi thế thương mại, cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đến năm 2030, tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 45%.

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng trong xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước; đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) không ngừng được cải thiện, thuộc nhóm 40 quốc gia hàng đầu thế giới.

Đến năm 2025, đầu tư cho khoa học và công nghệ đạt 1,2% - 1,5% GDP, trong đó, tổng chi quốc gia cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 0,8% - 1% GDP và đóng góp của xã hội cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chiếm 60% - 65%. Đến năm 2030, đầu tư cho khoa học và công nghệ đạt 1,5% - 2% GDP, trong đó tổng chi quốc gia cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 1% - 1,2% và đóng góp của xã hội cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chiếm 65% - 70%.

Đến năm 2025, nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 10 người trên một vạn dân, đến năm 2030 đạt 12 người trên một vạn dân; trong đó, chú trọng phát triển nhân lực trong khu vực doanh nghiệp. Đến năm 2025, có 25 - 30 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới, đến năm 2030 có 40 - 50 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới.

Đến năm 2030, số doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp khoa học và công nghệ và số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tăng hai lần so với năm 2020; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40% trong tổng số doanh nghiệp...

Một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Cụ thể, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia liên kết chặt chẽ với khu vực và thế giới. Phát triển các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu, các cụm liên kết ngành; trong đó, các doanh nghiệp lớn có vai trò trung tâm dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, các cơ quan quản lý nhà nước có vai trò kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi, thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức hỗ trợ trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo.

Cùng với đó, phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu; triển khai mạnh mẽ các nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở nhằm thu hút mọi nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước tạo ra các công nghệ mới, sản phẩm mới, hình thành doanh nghiệp mới; tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong và ngoài nước; hoàn thiện hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và tăng cường đầu tư về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng cho các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng, nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc các Sở Khoa học và Công nghệ để trở thành các đầu mối hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo tại địa phương.

Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu khác của Chiến lược là phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trình độ và năng lực sáng tạo cao. Cụ thể, chuẩn bị trước một bước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tương lai.

Tăng cường đào tạo kiến thức về khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, rèn luyện năng lực thiết kế sáng tạo gắn với các dự án thực tế trong trường phổ thông, đặc biệt thông qua hình thức đào tạo STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) và STEAM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học).

Tăng cường định hướng nghề nghiệp và tư vấn theo đuổi khoa học, kỹ thuật và ngành kỹ thuật trong các trường học phổ thông và các trường đại học.

Đồng thời, đầu tư xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao; nhanh chóng xây dựng đội ngũ nhà khoa học đầu ngành, từng bước nâng cao tiêu chuẩn nhà khoa học đầu ngành tiệm cận với tiêu chuẩn ở các nước phát triển.

Tiếp tục chương trình tuyển chọn, gửi đi đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao thuộc các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Triển khai các giải pháp nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu của khu vực doanh nghiệp. Đổi mới chương trình đào tạo cho đối tượng nhân lực khoa học và công nghệ trong các trường cao đẳng, đại học hướng tới đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Chiến lược chỉ rõ việc thúc đẩy thu hút và dịch chuyển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cơ sở rà soát, sửa đổi các quy định nhằm khuyến khích chuyển dịch nhân lực hai chiều giữa khu vực công và tư; có cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí và tạo thuận lợi về thủ tục xuất/nhập cảnh, visa, giấy phép lao động,... để thu hút nhân lực trình độ cao từ nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước; phát triển các mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài; có chính sách đưa người Việt Nam vào làm việc tại các tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nước ngoài, sau đó trở về nước làm việc; tháo gỡ các chính sách để tạo thuận lợi cho các giảng viên, cán bộ nghiên cứu thường xuyên tham gia vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp.

Ngoài ra, Chiến lược cũng đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp của yếu khác để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm: Đổi mới cơ chế hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học và công nghệ khác trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh; Phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; Chủ động đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: CHỈ THỊ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ CAO

Ngày 11/5/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Chỉ thị số 03/CT-TTg về việc nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực trình độ cao.

Chỉ thị nêu rõ: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" đã xác định nhiệm vụ đối với giáo dục đại học là tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao và bồi dưỡng nhân tài. Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thực hiện chủ trương của Đảng, trong những năm qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quan tâm đầu tư và có nhiều chỉ đạo về việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực

trình độ cao, đặc biệt là đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ (đào tạo sau đại học). Triển khai chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ động tham mưu ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền nhiều cơ chế chính sách, giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học.

Tuy nhiên, công tác đào tạo nhân lực trình độ cao nói chung, trong đó có đào tạo sau đại học vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo sau đại học nhất là đào tạo trình độ tiến sĩ tại một số cơ sở vẫn dễ xảy ra sai phạm nhưng chưa được phát hiện và chấn chỉnh kịp thời; chất lượng của không ít luận án chưa đáp ứng yêu cầu về khoa học và thực tiễn.

Nâng cao chất lượng đào tạo tiệm cận với chuẩn mực quốc tế

Để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học nhất là đào tạo trình độ tiến sĩ, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị Bộ Giáo dục và Đào tạo tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học tiệm cận với chuẩn mực đào tạo quốc tế, đặc biệt ở các ngành có nhu cầu đáp ứng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thủ tướng Chính phủ lưu ý: Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam về số lượng và chất lượng phù hợp với chuẩn mực và thông lệ của khu vực và thế giới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện cơ sở dữ liệu để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong đào tạo sau đại học; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về đào tạo sau đại học tại các cơ sở đào tạo, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

Tăng cường kiểm tra đào tạo sau đại học

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở đào tạo sau đại học xây dựng và ban hành đầy đủ các quy định hướng dẫn trong công tác đào tạo sau đại học theo thẩm quyền; nghiêm túc thực hiện chuẩn chương trình đào tạo; quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học hiện hành; kiện toàn hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở đào tạo; thực hiện nghiêm quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo sau đại học, khuyến khích kiểm định theo các tiêu chuẩn của các tổ chức kiểm định khu vực và quốc tế có uy tín.

Đồng thời, thực hiện nghiêm công khai, minh bạch các bước từ tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng, bảo đảm việc phản biện đồng đẳng, sự giám sát của xã hội và các bên liên quan; đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của các nhà khoa học trong quy trình đào tạo.

Đẩy mạnh việc gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học; thực hiện liên kết đào tạo sau đại học với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín để nâng cao chất lượng đào tạo theo các chuẩn mực của khu vực và quốc tế.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát nội bộ: quy trình lựa chọn đề tài và hướng nghiên cứu; tiêu chuẩn và điều kiện của người hướng dẫn, phản biện độc lập, các thành viên hội đồng đánh giá luận văn, luận án; trách nhiệm của các nhà khoa học có liên quan đối với chất lượng của luận văn, luận án; việc công bố các kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn, luận án trên các tạp chí khoa học ở trong nước và quốc tế.

Chỉ thị cũng yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - cơ quan quản lý trực tiếp các cơ sở đào tạo sau đại học phải chú trọng công tác đào tạo nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương; ưu tiên đầu tư tạo điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo sau đại học tại các cơ sở đào tạo trực thuộc; tăng cường kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh và đào tạo sau đại học tại các cơ sở đào tạo trực thuộc; chấn chỉnh kịp thời và xử lý nghiêm các sai phạm theo quy định.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các đơn vị có cán bộ được cử tham gia đào tạo sau đại học tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình đào tạo, sử dụng sau đào tạo, đồng thời bảo đảm thực hiện nghiêm túc các quy định.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI: HƯỚNG DẪN VỀ TĂNG GIỜ LÀM THÊM TRONG BỐI CẢNH PHỤC HỒI KINH TẾ

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Văn bản số 1312/LĐTĐBXH-ATLĐ hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15 về tăng giờ làm thêm trong bối cảnh phục hồi kinh tế.

Theo đó, triển khai Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15 ngày 24/3/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về số giờ làm thêm trong 1 năm, trong 1 tháng của người lao động trong bối cảnh phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì, phối hợp Liên đoàn Lao động cấp tỉnh và các cơ quan liên quan phổ biến, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết trên địa bàn quản lý, trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

Các trường hợp người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm tối đa 300 giờ trong 1 năm là các trường hợp được quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết và Khoản 3 Điều 107 Bộ luật Lao động.

Tất cả trường hợp được làm thêm tối đa 300 giờ trong 1 năm đều được làm thêm từ trên 40 giờ đến 60 giờ trong 1 tháng kể từ ngày 01/4/2022. Khi tổ chức thực hiện quy định về số giờ làm thêm theo Nghị quyết vẫn phải tuân thủ đầy đủ các quy định khác về làm thêm giờ tại Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn Bộ luật Lao động (quy định về giới hạn số giờ làm thêm trong ngày; tiền lương phải trả khi làm thêm giờ; các nội dung về sự đồng ý của người lao động tham gia làm thêm; thông báo khi tổ chức làm thêm trên 200 giờ trong 1 năm...).

Khi tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong 1 năm theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết, người sử dụng lao động phải thông báo cho Sở Lao động - Thương binh

và Xã hội theo quy định tại Khoản 4 Điều 107 Bộ luật Lao động và Điều 62 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Các quy định của Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15 được thực hiện cho đến hết ngày 31/12/2022, trừ trường hợp Quốc hội quyết định kéo dài thời gian thực hiện.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI: THỬ NGHIỆM TRỢ LÝ ẢO HỖ TRỢ 48 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Bộ Giao thông vận tải đang ráo riết đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu nền tảng dùng chung. Đồng thời, vận hành thử nghiệm trợ lý ảo trong thực hiện 48 thủ tục hành chính, tiến tới mở rộng lên 400 và cung cấp nhiều tiện ích như nhắc hạn đăng kiểm, nhắc đổi giấy phép lái xe...

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Nguyễn Văn Thể vừa ký văn bản số 4507 gửi các đơn vị trực thuộc Bộ yêu cầu tiếp tục tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực để thực hiện chương trình chuyển đổi số Bộ Giao thông vận tải trong 8 tháng còn lại của năm 2022.

Năm 2022, là năm quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025, do đó, Bộ trưởng yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trong công tác xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số, xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cần ưu tiên thực hiện.

Theo đó, các đơn vị cần tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về Chính phủ điện tử, chuyển đổi số tới toàn thể cán bộ, người lao động; duy trì việc thảo luận nội dung về xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số trong các cuộc họp giao ban định kỳ của đơn vị...

Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục quản lý chuyên ngành phải hoàn thành tất cả các chỉ tiêu về xây dựng Chính phủ điện tử được Chính phủ giao.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng dùng chung, phấn đấu đến hết năm 2022, hoàn thành xây dựng các cơ sở dữ liệu phương tiện, người điều khiển phương tiện và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải và cơ bản hoàn thành cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông.

Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin triển khai Hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành (IOC) của Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa cơ quan Bộ Giao thông vận tải từ ngày 01/6/2022.

Đáng chú ý, một trong những mục tiêu được Bộ Giao thông vận tải xác định trong chương trình chuyển đổi số của ngành đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là tập trung xây

dựng các hệ thống phục vụ người dân và doanh nghiệp theo hướng cải cách hành chính, tạo thuận lợi và giảm chi phí, nguồn lực xã hội.

Để khai thác tối đa sức mạnh của công nghệ, góp phần giải phóng sức lao động cho các cán bộ tại Bộ phận hỗ trợ dịch vụ công, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, Bộ Giao thông vận tải vừa đưa vào thử nghiệm trợ lý ảo hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính từ đầu tháng 5.

Trợ lý ảo áp dụng trong thực hiện 48 thủ tục hành chính có nhiều người quan tâm, cán bộ thường xuyên phải trả lời, giải đáp thuộc 2 lĩnh vực đăng kiểm (38 thủ tục hành chính) và đường bộ (10 thủ tục hành chính) như thủ tục cấp, đổi giấy phép kinh doanh vận tải; cấp, đổi biển hiệu, phù hiệu xe ô tô; đăng ký khai thác tuyến; các vấn đề vướng mắc, các câu hỏi thường gặp (24/7) liên quan tới vấn đề quản lý tài khoản, quản lý hồ sơ...

Theo đó, hệ thống phần mềm trợ lý ảo hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công của Bộ Giao thông vận tải được Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Giao thông vận tải phối hợp với các tập đoàn công nghệ thông tin triển khai theo 2 giai đoạn.

Giai đoạn 1 là giai đoạn thử nghiệm công nghệ; giai đoạn 2 là giai đoạn triển khai chính thức.

Trong đó, mỗi giai đoạn gồm 3 bước là thí điểm, mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Hiện tại, trợ lý ảo của Bộ Giao thông vận tải đang được triển khai ở giai đoạn đầu của bước thử nghiệm công nghệ, được áp dụng để hỗ trợ, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thông qua cả hai phương thức tương tác âm thanh (Callbot - qua đầu số 1900 0318 nhánh 1) và tin nhắn (Chatbot).

Sau giai đoạn thử nghiệm, Trung tâm Công nghệ thông tin sẽ đánh giá kết quả triển khai, lựa chọn giải pháp phù hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét mở rộng triển khai trợ lý ảo hỗ trợ hơn 400 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không và đăng kiểm.

Đồng thời, Trung tâm Công nghệ thông tin sẽ phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ tiếp tục nghiên cứu mở rộng ứng dụng trợ lý ảo vào nhắc việc cán bộ trong công tác chỉ đạo điều hành của Bộ và cung cấp một số tiện ích khác đến người dân như nhắc hạn đăng kiểm đối với các phương tiện sắp đến hạn đăng kiểm; nhắc đổi giấy phép lái xe đối với các giấy phép lái xe sắp đến hạn...

Việc đưa trợ lý ảo vào triển khai thí điểm, Bộ Giao thông vận tải kỳ vọng sẽ khai thác tối đa sức mạnh của công nghệ đồng thời giải phóng sức lao động cho cán bộ bộ phận hỗ trợ dịch vụ công, hướng đến nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công của Bộ Giao thông vận tải và tương lai đẩy mạnh và mở rộng ứng dụng AI trên tất cả các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Bộ trưởng cũng giao Trung tâm Công nghệ thông tin là cơ quan đầu mối đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số Bộ Giao thông vận tải. Kịp thời báo cáo lãnh đạo Bộ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để xem xét, giải quyết.

Nguồn: vneconomy.vn

BỘ CÔNG THƯƠNG: LẤY NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP LÀ TRUNG TÂM CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ

Bộ Công Thương vừa ban hành Chương trình chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025 nhằm đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử tại các đơn vị thuộc Bộ Công Thương trên cơ sở cải cách hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Theo đó, mục tiêu cụ thể của Chương trình Chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025 nhằm nâng cấp, vận hành Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng đảm bảo kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử qua tất cả các cấp chính quyền của Bộ và kết nối Trục liên thông văn bản quốc gia.

Tỷ lệ văn bản trao đổi, hồ sơ công việc tái cấp Bộ được xử lý trên môi trường mạng đạt 100% đối với các nội dung không mật; khai thác sử dụng triệt để hộp thư điện tử được cấp, các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; sử dụng hiệu quả mạng Internet để khai thác thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn; xây dựng, khai thác dịch vụ nền tảng để đăng nhập các hệ thống thông tin theo cơ chế đăng nhập một lần (SSO-Single Sign On)...

Chương trình cũng đặt mục tiêu hoàn thiện Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Bộ, đảm bảo 100% các thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và cơ sở dữ liệu quốc gia khác có liên quan.

Ngoài ra, ngành Công Thương cũng phấn đấu 100% dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 phổ biến, liên quan đến nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ được xác thực điện tử; 100% dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực xuất nhập khẩu được tích hợp lên cơ chế một cửa quốc gia; hoàn thành việc kết nối Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp của Bộ Công Thương với Hệ thống của Chính phủ, đảm bảo tiếp nhận 100% thông tin phản ánh của người dân và chuyển cho các đơn vị liên quan giải quyết. Công bố 100% thông tin phản hồi đảm bảo người dân, doanh nghiệp tiếp cận được thông tin một cách chính xác và kịp thời...

Để thực hiện các nhiệm vụ kể trên, Bộ Công Thương cũng đưa ra lộ trình thực hiện với từng nhiệm vụ cụ thể, gồm hoàn thiện môi trường pháp lý, phát triển hạ tầng kỹ thuật, phát triển các hệ thống nền tảng, phát triển dữ liệu, phát triển các ứng dụng dịch vụ, bảo đảm an toàn thông tin và phát triển nguồn nhân lực.

Đi kèm với từng nhiệm vụ là những giải pháp cụ thể trong đó có việc nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp; ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; phát triển mô hình kết hợp giữa các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp; tăng cường hợp tác quốc tế...

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng giao từng nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trực thuộc Bộ để triển khai có hiệu quả Chương trình Chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025. Trong đó, đối với lĩnh vực năng lượng, Bộ yêu cầu phải xây dựng kế hoạch chuyển đổi số ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả; kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, góp phần hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.

Đối với lĩnh vực công nghiệp, yêu cầu đặt ra là cần xây dựng kế hoạch chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột, xây dựng chiến lược, cơ cấu tổ chức thông minh, nhà máy thông minh, vận hành thông minh để tạo ra các sản phẩm thông minh...

Nguồn: vietq.vn

KINH TẾ SỐ PHẢI LÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG MỚI

Tại Hội thảo 'Chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế: Kinh nghiệm 35 năm đổi mới' do Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với Tổ chức hợp tác phát triển Đức (GIZ) tổ chức mới đây, nhiều ý kiến cho rằng, kinh tế số phải là động lực tăng trưởng mới.

Tổng kết những thành quả về chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, Phó Trưởng ban Ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Đức Hiền cho biết, qua thực tiễn đánh giá, những kết quả đạt được thể hiện rất rõ như: Kinh tế vĩ mô cơ bản đã được ổn định; tăng trưởng kinh tế đạt được những kết quả quan trọng; năng suất lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia được cải thiện, cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực hơn.

Cơ cấu các ngành, lĩnh vực có sự chuyển dịch theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh của một số ngành, lĩnh vực Việt Nam có lợi thế trong tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Các vấn đề trọng tâm về cơ cấu lại nền kinh tế gồm cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng đã tập trung thực hiện và đạt được một số kết quả bước đầu. Cơ cấu lại ngân sách nhà nước và khu vực công đạt được một số kết quả đáng ghi nhận.

Tuy nhiên, việc chuyển sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu còn chậm so với yêu cầu đặt ra. Mô hình tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào các yếu tố đầu vào gồm vốn, lao động, tài nguyên. Đóng góp của TFP (năng suất nhân tố tổng hợp) vào tăng trưởng kinh tế còn hạn chế, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực ở cùng giai đoạn phát triển. Tăng năng suất lao động thời gian qua chủ yếu vẫn do tăng cường vốn đầu tư và sử dụng lao động chi phí thấp. Vốn vẫn chủ yếu dựa vào hoạt động kinh tế thông dụng lao động.

Góp ý tại hội thảo, GS.TS. Trần Thọ Đạt, nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân cho rằng, trong bối cảnh hiện nay, kinh tế số là động lực tăng trưởng mới trong

chuyển đổi mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế. Để thúc đẩy phát triển kinh tế số, cần có bản chiến lược khung cho việc chuyển đổi số; tạo các điều kiện căn bản để thu hút được nguồn vốn dành cho đầu tư số hóa nền kinh tế, cụ thể là hạ tầng và dịch vụ số; đổi mới hệ thống giáo dục - đào tạo gắn chặt với số hóa; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, công nghệ sản xuất; cải thiện sự sẵn sàng đối với kỷ nguyên công nghệ số; liên kết chặt chẽ với khu vực FDI. Ứng dụng công nghệ số cho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành công nghệ thông tin và khoa học công nghệ; ngành tài chính, ngân hàng bảo hiểm và bất động sản; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế số.

Nhấn mạnh thêm, PGS. TS. Trần Đình Thiên, nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam khuyến nghị về những thay đổi cơ bản, nền tảng của nền kinh tế như phát triển đồng bộ các loại thị trường, đặc biệt quan tâm phát triển các thị trường nguồn lực đầu vào, nhất là thị trường đất đai; xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển theo tinh thần phục vụ thị trường, phục vụ doanh nghiệp, thể chế quản trị phát triển hiện đại, phù hợp các cam kết hội nhập; tuân thủ nguyên tắc “nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng” trong việc phát triển lực lượng doanh nghiệp Việt Nam và triển khai chiến lược thu hút FDI; tận dụng tối đa lợi thế đi sau, nỗ lực xây dựng thể chế tốt, khuyến khích đổi mới sáng tạo, coi khoa học công nghệ và trí tuệ con người là động lực phát triển quan trọng nhất của giai đoạn tới. Còn TS. Võ Trí Thành, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiến lược thương hiệu và cạnh tranh thì khuyến nghị tập trung vào vai trò của thị trường, trong một nhà nước kiến tạo sáng tạo; chuyển đổi nền “kinh tế nâu” sang “nền kinh tế xanh”; hội nhập một cách thông minh vào nền kinh tế thế giới.

Từ góc độ là cố vấn kinh tế cấp cao của Chương trình phát triển Liên hợp quốc -UNDP, TS. Jonathan Pincus cho rằng, để thu hẹp được khoảng cách giữa Việt Nam với các quốc gia phát triển, bên cạnh việc duy trì tỉ lệ xuất khẩu so với GDP cao hơn rất nhiều so với các quốc gia khác, Việt Nam cần giải quyết vấn đề nhập khẩu nhiều sản phẩm đầu vào chất lượng cao để phục vụ xuất khẩu. Bên cạnh đó, hầu hết các doanh nghiệp tư nhân của Việt Nam đều rất nhỏ; doanh nghiệp tư nhân lớn lại không phải là doanh nghiệp chế biến, chế tạo mà là doanh nghiệp bất động sản thông qua đầu cơ đất đai. Cần tạo ra cơ chế và sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp trong nước và FDI, trong đó đặc biệt quan tâm đến cơ chế tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là doanh nghiệp siêu nhỏ.

Nguồn: cand.com.vn

NGÀNH HẢI QUAN: TẬP TRUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI

Trong thời gian qua, ngành hải quan đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; đơn giản hóa, tự động hóa quy trình thủ tục hải quan, tạo thuận lợi thương mại.

Hướng tới hải quan phi giấy tờ

Thông tin về một số kết quả công tác nổi bật, trong đó có công tác cải cách hành chính của Tổng cục Hải quan 4 tháng đầu năm 2022, đại diện Tổng cục Hải quan cho biết, xác định cải cách hành chính là một trong các nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, ngay từ đầu năm 2022, Tổng cục Hải quan đã xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính, đồng thời nghiêm túc triển khai các kế hoạch, chỉ thị tới các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục.

Tổng cục Hải quan đã hoàn thành việc cung cấp tài liệu kiểm chứng phục vụ chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của Bộ Tài chính. Bên cạnh đó, tiếp tục rà soát, nghiên cứu, xây dựng phương án phân cấp thẩm quyền giải quyết đối với 05 thủ tục hành chính; tiếp tục rà soát và cập nhật quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại Hệ thống thông tin của Văn phòng Chính phủ.

Tổng cục Hải quan cũng tập trung nguồn lực triển khai tái thiết kế tổng thể hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện nghiệp vụ hải quan hướng tới Hải quan số và đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin hệ thống thông qua hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện Hải quan số theo Quyết định số 97/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

Theo đó, khi hệ thống công nghệ thông tin mới của ngành Hải quan được đưa vào vận hành, thủ tục hải quan sẽ được thực hiện hoàn toàn trên môi trường số (phi giấy tờ), mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện; quản lý tự động các hoạt động nghiệp vụ hải quan trên môi trường số trong toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hải quan cả trước, trong, sau thông quan, đảm bảo quản lý xuyên suốt từ khâu đầu đến khâu cuối đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Đáng chú ý, Tổng cục Hải quan đã tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tính đến nay, Tổng cục Hải quan đã cung cấp 215/237 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (~ 91% tổng số thủ tục hành chính do cơ quan hải quan thực hiện), trong đó có 209 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4 (đạt tỷ lệ 88%).

Theo báo cáo mới nhất, tính từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 15/4/2022, số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 4 được tiếp nhận, giải quyết gần 4,3 triệu hồ sơ. Bên cạnh đó, trong quý I/2022, tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính toàn ngành trong kỳ 3.867.726 hồ sơ, trong đó 3.862.612 hồ sơ đã giải quyết đúng hạn và trước hạn (đạt tỷ lệ 99,87%); 5.114 hồ sơ đang giải quyết (chiếm tỷ lệ 0,13%).

Tạo điều kiện cho hàng hóa xuất nhập khẩu

Nhằm giảm tình trạng ùn tắc, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho hàng hóa xuất nhập khẩu được giao thương thuận lợi qua các cửa khẩu đường bộ, từ ngày 27/01/2022, chức năng cảnh báo chống ùn tắc đã được Tổng cục Hải quan chính thức triển khai trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

“Tổng cục Hải quan dự kiến sẽ triển khai mở rộng giải pháp ứng dụng dữ liệu định vị GPS để cảnh báo ùn tắc phương tiện vận tải và giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa

khẩu, ICD (cảng cạn/cảng nội địa), cảng biển, cảng hàng không quốc tế trong thời gian tới” - đại diện Tổng cục Hải quan cho hay.

Cùng với đó, nhằm hỗ trợ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình khai hải quan, Tổng cục Hải quan đã phối hợp với Công ty EPAY triển khai phần mềm khai hải quan miễn phí cho doanh nghiệp. Đồng thời, tổ chức đào tạo trực tuyến, hướng dẫn sử dụng phần mềm khai hải quan miễn phí cho các đơn vị Hải quan và doanh nghiệp.

Trong thời gian vừa qua, Tổng cục Hải quan còn phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn triển khai hệ thống trao đổi thông tin với Nền tảng cửa khẩu số tỉnh Lạng Sơn (thời gian hoàn thành nâng cấp từ ngày 10/4/2022).

Đặc biệt, triển khai mở rộng hệ thống seal định vị điện tử GPS phục vụ giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng container. Tính từ đầu năm đến ngày 15/4/2022, toàn ngành đã sử dụng 3.303 seal định vị điện tử phục vụ công tác giám sát hàng hóa chịu sự giám sát hải quan.

Ngày 25/3/2022, Tổng cục Hải quan có Công văn số 1023/TCHQ-GSQL chỉ đạo Cục Hải quan các tỉnh, thành phố sử dụng seal định vị điện tử để niêm phong, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan phục vụ công tác triển khai mở rộng seal định vị tại 35 Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

“Tổng cục Hải quan tiếp tục triển khai mở rộng hệ thống seal định vị điện tử GPS phục vụ giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng container, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp” - đại diện Tổng cục Hải quan nêu.

Ngoài ra, về đẩy mạnh triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN, đại diện Tổng cục Hải quan thông tin, tính đến ngày 15/4/2022, Cơ chế một cửa quốc gia đã có 244 thủ tục hành chính của 13 Bộ, ngành kết nối, với khoảng 4,9 triệu bộ hồ sơ của hơn 53,5 nghìn doanh nghiệp

Việt Nam đã kết nối chính thức Cơ chế một cửa ASEAN để trao đổi thông tin chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với tất cả 9 nước thành viên ASEAN. Đồng thời, Bộ Tài chính đang phối hợp với Ban thư ký ASEAN và các nước ASEAN để triển khai kết nối trao đổi tờ khai Hải quan ASEAN theo đúng kế hoạch, lộ trình chung của ASEAN: Hiện nay, đang triển khai kết nối thử nghiệm theo kế hoạch của ASEAN. Tiếp sau đó sẽ chuẩn bị các yêu cầu liên quan để kết nối thử nghiệm trao đổi chứng nhận kiểm dịch thực vật trong năm 2022.

Nguồn: congthuong.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến của Nhân dân vào dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) nhằm nhằm xây dựng một Luật thống nhất, tạo một hành lang pháp lý hoàn thiện để thực hiện chuyển đổi các hoạt động từ môi trường thực sang môi trường số trong tất cả các ngành, lĩnh vực.**

Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết, Luật Giao dịch điện tử đã được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2006. Luật Giao dịch điện tử được xem là luật khung, quy định những vấn đề kỹ thuật, đặc thù phát sinh trên môi trường điện tử.

Sau gần 15 năm thực hiện, Luật Giao dịch điện tử và các luật chuyên ngành khác tạo hành lang pháp lý hỗ trợ mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy giao dịch điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, đưa ứng dụng khoa học, công nghệ vào cải cách hành chính. Mặc dù có những đóng góp tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tuy nhiên, trước bối cảnh công nghệ thay đổi nhanh chóng, Luật Giao dịch điện tử 2005 vẫn bộc lộ một số vấn đề tồn tại, hạn chế.

Thứ nhất, Luật Giao dịch điện tử năm 2005 là Luật khung, được ban hành sớm, sau khi có Luật mẫu của Liên Hợp quốc (UNCITRAL). Nội dung cơ bản bám theo Luật mẫu của Liên Hợp quốc nên còn mang tính khung và mang tính nguyên tắc chung. Luật mẫu của Liên Hợp quốc có xu hướng viết cho các nước đã phát triển, nơi có hệ thống, pháp luật và văn hoá khá khác biệt với Việt Nam. Vì vậy, khi áp dụng vào Việt Nam thì nảy sinh một số bất cập khó thực thi trong thực tế, đặc biệt là đối với vấn đề đảm bảo giá trị pháp lý của giao dịch điện tử.

Thứ hai, do là Luật khung, mang tính nguyên tắc, nên trong 15 năm qua chỉ có một số lĩnh vực chịu áp lực lớn của hội nhập quốc tế, có nhu cầu cấp thiết tự thân, tiên phong nghiên cứu xây dựng các văn bản dưới luật quy định chi tiết để thực thi và ứng dụng mạnh mẽ giao dịch điện tử, điển hình như lĩnh vực Thông tin và Truyền thông (chữ ký số), Ngân hàng (thanh toán điện tử), Tài chính (giao dịch chứng khoán, hoá đơn điện tử, thuế điện tử, hải quan điện tử) và Thương mại điện tử. Với nhiều lĩnh vực khác, việc áp dụng giao dịch điện tử vẫn khó khăn do thiếu các quy định cụ thể của Luật Giao dịch điện tử 2005. Hơn nữa, Luật Giao dịch điện tử 2005 còn loại trừ không áp dụng cho khá nhiều lĩnh vực quan trọng trong đời sống, kinh tế và xã hội.

Thứ ba, trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, đặc biệt do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, nhu cầu giao dịch điện tử đã bùng phát mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực hành chính, dân sự, kinh tế và xã hội, môi trường và phương thức giao dịch cũng có nhiều thay đổi với sự xuất hiện ngày càng nhiều các nền tảng số làm trung gian cho các giao dịch điện tử trực tuyến, đòi hỏi phải có khung pháp lý phù hợp đáp ứng nhu cầu thực tế, đảm bảo thể chế pháp luật phải theo kịp sự phát triển.

Thứ tư, việc sửa đổi Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp 3 thời đường lối, chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị

về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, góp phần thúc đẩy phát triển ổn định kinh tế - xã hội của đất nước; tạo hành lang pháp lý hoàn thiện để thực hiện chuyển đổi các hoạt động từ môi trường thực sang môi trường số trong tất cả các ngành, lĩnh vực; khắc phục những bất cập, tồn tại, hạn chế của Luật hiện hành, đặc biệt là đối với vấn đề bảo đảm giá trị pháp lý của giao dịch điện tử; luật hóa các vấn đề thực tiễn yêu cầu và bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật hiện hành.

Do đó, việc xây dựng dự án Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) trình Quốc hội xem xét thông qua là rất cần thiết, nhằm hiện thực hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng, giải quyết những vướng mắc, bất cập trong thực thi Luật Giao dịch điện tử 2005, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế xã hội, thúc đẩy chuyển đổi số, xã hội số, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan.

*** Bộ Tài nguyên và Môi trường đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/2/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.**

Theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, giao khu vực biển là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho tổ chức, cá nhân được phép sử dụng một hoặc nhiều khu vực biển nhất định (khu vực biển) trong khoảng thời gian xác định để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Tại dự thảo, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất bổ sung quy định các hoạt động không phải thực hiện giao khu vực biển.

Cụ thể, các hoạt động sau đây không phải thực hiện giao khu vực biển, không phải thực hiện chấp thuận hoạt động sử dụng khu vực biển: a) Hoạt động khai thác thủy sản trên biển theo quy định của pháp luật về thủy sản; b) Hoạt động khắc phục hậu quả trực tiếp do thiên tai, sự cố môi trường gây ra trên biển; c) Hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành trong vùng biển Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định tại Điều 19 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; d) Hoạt động thăm dò dầu khí; hoạt động nạo vét (tại khu vực thực hiện nạo vét) theo quy định của pháp luật; đ) Hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, khảo sát trên biển do cơ quan nhà nước thực hiện.

Các hoạt động sau đây không phải thực hiện giao khu vực biển nhưng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoạt động sử dụng khu vực biển: 1. Hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển trừ trường hợp quy định tại điểm đ nêu trên; 2. Hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân Việt Nam trừ trường hợp hoạt động nghiên cứu khoa học sử dụng khu vực biển cố định và trừ trường hợp quy định tại điểm đ nêu trên. Các hoạt động này chỉ được thực hiện sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận bằng văn bản theo quy định tại Điều 27b Nghị định này.

Dự thảo nêu rõ, trên một khu vực biển có thể chấp thuận cho nhiều tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển nhưng không được mâu thuẫn, xung đột với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác đang được phép tiến hành và hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển của tổ chức, cá nhân khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Thời hạn chấp thuận thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển không quá 5 năm.

Theo dự thảo, tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoạt động sử dụng khu vực biển có các nghĩa vụ: 1. Không được tiến hành hoạt động khác ngoài các hoạt động theo nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; 2. Tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn hàng hải; thiết lập khu vực an toàn hàng hải xung quanh các phương tiện, thiết bị; báo hiệu hàng hải; duy trì liên lạc và tuân thủ các quy định khác của pháp luật về hàng hải; 3. Không được làm ảnh hưởng đến hoạt động quốc phòng, an ninh và các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đang được tiến hành hợp pháp trong vùng biển Việt Nam; không được mang vào vùng biển Việt Nam vũ khí, vật liệu nổ, hóa chất độc, các phương tiện, thiết bị khác có khả năng gây thiệt hại đối với người, tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường biển, trừ trường hợp vật liệu nổ, hóa chất độc được cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho phép sử dụng để thực hiện hoạt động; 4. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật Việt Nam trong trường hợp hoạt động gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, hệ sinh thái biển, hải đảo; 5. Sau khi kết thúc hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển, tổ chức, cá nhân phải gửi báo cáo kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển (cơ quan đã chấp thuận hoạt động); trong thời hạn không quá 30 ngày, trừ trường hợp bất khả kháng, phải hoàn thành việc tháo dỡ các phương tiện, thiết bị đã sử dụng, lắp đặt tại khu vực biển. Báo cáo kết quả phải bao gồm các nội dung chính: các hoạt động đã tiến hành; nêu rõ vị trí khoan, lấy mẫu, phương thức lấy mẫu, loại mẫu (nếu có); thông tin, dữ liệu đã thu thập, xử lý; những sản phẩm, kết quả quan trọng thu được từ các hoạt động; 6. Tuân thủ, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan.

*** Bộ Công Thương đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm Cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện từ năng lượng tái tạo với khách hàng sử dụng điện lớn.**

Dự thảo nêu rõ về quy mô thí điểm mua bán điện trực tiếp. Theo đó, tổng công suất các nhà máy điện tham gia chương trình thí điểm mua bán điện trực tiếp không quá 1.000MW.

Hình thức, thời hạn đăng ký tham gia thí điểm mua bán điện trực tiếp như sau: Một Đơn vị phát điện và một Khách hàng hoặc Liên danh khách hàng cùng nhau chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký theo hình thức đăng tải các tài liệu trong hồ sơ đăng ký (dạng file điện tử) trên cổng đăng ký của Trang thông tin điện tử thí điểm mua bán điện trực tiếp do Bộ Công Thương

công bố đồng thời gửi 01 bản giấy bằng phương thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính theo hướng dẫn trên Trang thông tin điện tử thí điểm mua bán điện trực tiếp. Thời hạn thực hiện đăng ký là 30 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương mở cổng đăng ký trên Trang thông tin điện tử thí điểm mua bán điện trực tiếp. Cổng đăng ký được đóng lại khi hết thời hạn đăng ký. Thời điểm xác nhận đăng ký thành công được xác định căn cứ theo hệ thống đếm giờ và thư điện tử xác nhận đăng ký thành công của cổng đăng ký trên Trang thông tin điện tử thí điểm mua bán điện trực tiếp.

Giai đoạn chuẩn bị: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố thí điểm mua bán điện trực tiếp.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày công bố thí điểm mua bán điện trực tiếp, Bộ Công Thương mở cổng đăng ký trên Trang thông tin điện tử thí điểm mua bán điện trực tiếp.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương mở cổng đăng ký trên Trang thông tin điện tử thí điểm mua bán điện trực tiếp, các Đơn vị phát điện và Khách hàng chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký tham gia trên Trang thông tin điện tử thí điểm mua bán điện trực tiếp theo quy định. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra khả năng bị giới hạn công suất phát điện của các nhà máy điện tại thời điểm đăng ký vào vận hành thương mại.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày đóng cổng đăng ký trên Trang thông tin điện tử thí điểm mua bán điện trực tiếp, Bộ Công Thương chủ trì thực hiện đánh giá, lựa chọn và công bố danh sách các đơn vị phát điện và khách hàng tham gia thí điểm mua bán điện trực tiếp.

Giai đoạn vận hành thí điểm: Trong thời gian cam kết tính từ ngày danh sách các Đơn vị phát điện và Khách hàng được lựa chọn tham gia thí điểm mua bán điện trực tiếp được công bố, các Đơn vị phát điện và Khách hàng hoàn thành việc đàm phán, ký kết các hợp đồng liên quan, hoàn thành việc xây dựng nhà máy điện năng lượng tái tạo và đưa nhà máy điện vào vận hành thương mại, tham gia thị trường điện để chính thức thực hiện các giao dịch theo nguyên tắc vận hành thí điểm mua bán điện trực tiếp quy định.

Căn cứ kết quả vận hành các giao dịch theo nguyên tắc vận hành thí điểm mua bán điện trực tiếp trong thời hạn 01 năm tính từ ngày kết thúc thời hạn các Đơn vị phát điện đưa nhà máy điện vào vận hành thương mại và tham gia thị trường điện, Bộ Công Thương đánh giá các khía cạnh về thị trường, kỹ thuật, tài chính và pháp lý, đề xuất các nội dung hoàn thiện cơ chế mua bán điện trực tiếp để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định về việc áp dụng chính thức cơ chế này.

*** Bộ Công an đang lấy ý kiến của Nhân dân vào dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2014/TT-BCA quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 06/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.**

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 5 về công tác phối hợp giữa Công an các đơn vị, địa phương với cơ quan, doanh nghiệp trong hướng dẫn, quản lý và kiểm tra thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Trong đó quy định Cục An ninh kinh tế, Cục An ninh chính trị nội bộ và Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan và

người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp tổ chức hướng dẫn, quản lý và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, dự thảo Thông tư cũng sửa đổi Khoản 3, 4 Điều 6 về công tác huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ.

Cục An ninh kinh tế chủ trì, phối hợp với Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, các trường An ninh, Cảnh sát và các đơn vị liên quan xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, trình Bộ trưởng Bộ Công an ban hành để thực hiện thống nhất trên toàn quốc.

Phân cấp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ và cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Cục An ninh kinh tế, Cục An ninh chính trị nội bộ tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng và cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp thuộc các ban, bộ, ngành ở Trung ương được phân công phụ trách.

Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng và cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp đặt trụ sở tại địa phương (trừ cơ quan, doanh nghiệp thuộc các ban, bộ, ngành do các Cục nghiệp vụ được phân công phụ trách).

*** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch.**

Dự thảo nêu rõ 8 tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý: 1. Là công chức, viên chức thuộc quản lý của cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý. 2. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín, có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ và chức trách được giao. 3. Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên với chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ được giao. 4. Có kinh nghiệm trong công tác quản lý, công tác chuyên môn thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập. 5. Không đang trong thời gian xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức hoặc Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. 6. Công chức, viên chức được đề nghị bổ nhiệm lần đầu làm thành viên Hội đồng quản lý phải có thời gian công tác thực tế còn lại từ đủ 5 năm trở lên tính từ thời điểm thực hiện quy trình bổ nhiệm; trường hợp đặc biệt báo cáo cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định. 7. Không phải là vợ hoặc chồng; cha, mẹ, anh, chị, em ruột (hoặc nuôi); con đẻ hoặc con nuôi của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc bên vợ (hoặc chồng) của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị sự nghiệp công lập. 8. Các tiêu chuẩn, điều kiện

khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng nêu rõ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản lý đó là đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm của thành viên Hội đồng quản lý; có năng lực quản lý và đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn như người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định pháp luật và quy định của cấp có thẩm quyền.

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với ngạch công chức chuyên ngành ngân hàng.**

Theo dự thảo, ngạch và mã số ngạch các ngạch công chức chuyên ngành ngân hàng, gồm: 1. Ngạch Kiểm soát viên cao cấp ngân hàng, Mã số ngạch: 07.044. 2. Ngạch Kiểm soát viên chính ngân hàng, Mã số ngạch: 07.045. 3. Ngạch Kiểm soát viên ngân hàng, Mã số ngạch: 07.046. 4. Ngạch Thủ kho ngân hàng, Mã số ngạch: 07.048.5. Ngạch Nhân viên Tiền tệ - Kho quỹ, Mã số ngạch: 07.047

Về cách xếp lương, dự thảo nêu rõ, các ngạch công chức chuyên ngành ngân hàng áp dụng Bảng 2 (Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang như sau: a) Ngạch Kiểm soát viên cao cấp ngân hàng áp dụng bảng lương công chức loại A3, nhóm 1 (A3.1); b) Ngạch Kiểm soát viên chính ngân hàng áp dụng bảng lương công chức loại A2, nhóm 1 (A2.1); c) Ngạch Kiểm soát viên ngân hàng áp dụng bảng lương công chức loại A1; d) Ngạch Thủ kho ngân hàng áp dụng bảng lương công chức loại A0; e) Ngạch Nhân viên Tiền tệ - Kho quỹ áp dụng bảng lương công chức loại B.

Việc chuyển xếp lương đối với công chức từ các ngạch công chức chuyên ngành hiện giữ sang ngạch công chức chuyên ngành Ngân hàng quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Trường hợp công chức chưa đủ điều kiện, tiêu chuẩn để chuyển xếp lương vào ngạch Thủ kho ngân hàng, ngạch Nhân viên Tiền tệ - Kho quỹ thì tiếp tục được xếp lương theo ngạch công chức hiện hưởng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Trong thời hạn 05 năm này, công chức phải hoàn thiện tiêu chuẩn về trình độ đào tạo theo yêu cầu của ngạch Thủ kho ngân hàng, ngạch Nhân viên Tiền tệ - Kho quỹ (mới). Khi công chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch Thủ kho ngân hàng, ngạch Nhân viên Tiền tệ - Kho quỹ (mới) thì cơ quan sử dụng công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức để xem xét, quyết định bổ nhiệm vào ngạch.

Trường hợp công chức không hoàn thiện tiêu chuẩn về trình độ đào tạo theo yêu cầu của ngạch công chức thì thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH NĂM 2021 TĂNG SO VỚI NĂM 2020

Ngày 10/5, tại Hà Nội, Trung tâm Nghiên cứu phát triển và hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại trung ương và địa phương (VFF-CRT), Công ty Phân tích thời gian thực (RTA) và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam phối hợp tổ chức công bố Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2021.

Báo cáo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2021 gồm 8 chỉ số nội dung: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở; công khai, minh bạch; trách nhiệm giải trình với người dân; kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; thủ tục hành chính công; cung ứng dịch vụ công; quản trị môi trường; quản trị điện tử. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2021 được khảo sát từ 15.833 người trả lời (đông nhất từ trước tới nay) ở 63 tỉnh, thành phố.

So với kết quả của năm 2020, 30 tỉnh, thành phố đã cải thiện hiệu quả hoạt động trong cung ứng dịch vụ công, quản trị môi trường và quản trị điện tử. Tuy nhiên, 30 tỉnh, thành phố có sự sụt giảm về điểm ở các chỉ số nội dung “tham gia của người dân ở cấp cơ sở”, “công khai, minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương”, “trách nhiệm giải trình với người dân” và “kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”.

Nhiều tỉnh, thành phố trong nhóm dẫn đầu tập trung ở khu vực phía Bắc. Ngược lại, phần lớn các tỉnh khu vực Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long thuộc nhóm trung bình thấp hoặc thấp nhất.

Trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương, TP. Hồ Chí Minh thuộc nhóm đạt điểm thấp nhất. Kết quả này phản ánh phần nào thực tế tác động nặng nề của giãn cách xã hội toàn phần kéo dài do làn sóng dịch COVID-19 lần thứ tư ở thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Báo cáo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2021, người dân cho biết cơ sở hạ tầng cơ bản được cải thiện với chất lượng đường sá, nước sạch và vệ sinh môi trường tốt hơn. Người dân tham gia khảo sát cũng cho biết tình hình tội phạm an ninh, trật tự địa bàn khu dân cư cũng giảm.

Kết quả khảo sát Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2021, cũng là năm Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch, cho thấy mối quan tâm về sức khỏe của người dân nổi lên, với tỷ lệ quan ngại về y tế và bảo hiểm y tế tăng mạnh từ 2% lên 23% chỉ trong hai năm.

Y tế và bảo hiểm y tế trở thành mối quan ngại lớn nhất của người dân, bên cạnh quan ngại về tăng trưởng kinh tế của đất nước và việc làm. Cùng với đó, tỷ lệ người dân hài lòng với cách ứng phó với đại dịch COVID-19 của các cấp chính quyền đã giảm từ 89% năm 2020

xuống còn 84% năm 2021. Đặc biệt, với lĩnh vực y tế, mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ của bệnh viện công tuyến huyện, quận, thành phố trực thuộc tỉnh giảm sút.

Về những mặt được cải thiện, người dân cho biết, cơ sở hạ tầng căn bản như nước sạch và vệ sinh môi trường tốt hơn, tỷ lệ người dân và hộ dân bị trộm cướp ở địa bàn dân cư thấp hơn...

Theo bà Caitlin Wiesen, Đại diện thường trú Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam, những phát hiện từ Báo cáo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2021 được công bố có ý nghĩa quan trọng giúp chúng ta hiểu được tác động của đại dịch COVID-19 tới hiệu quả quản trị công có sự tham gia của người dân. Điều này giúp chính quyền các cấp chuẩn bị các kịch bản ứng phó với những khủng hoảng kinh tế và sức khỏe tương tự có thể xảy ra trong tương lai.

Phát biểu tại hội nghị, Tiến sĩ Nguyễn Hữu Dũng, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhận định: “Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh đã hỗ trợ thúc đẩy trách nhiệm giải trình với người dân của các cấp chính quyền, đóng góp vào quá trình đổi mới và sáng tạo trong khu vực công vì mục tiêu “dân hưởng lợi” ngoài những mục tiêu “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong thực hiện dân chủ ở cơ sở. Đây cũng là tinh thần của dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở sẽ được thảo luận tại Quốc hội năm nay”.

Hà Nội thuộc nhóm có điểm số cao nhất

Tổng số điểm Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2021 của Hà Nội đạt 44,45 điểm. Trong đó, chỉ số “tham gia của người dân ở cấp cơ sở” đạt 5,01/10 điểm; “công khai, minh bạch” đạt 5,93/10 điểm; “trách nhiệm giải trình với người dân” đạt 4,33/10 điểm; “kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” đạt 7,08/10 điểm; “thủ tục hành chính công” đạt 7,54/10 điểm; “cung ứng dịch vụ công” đạt 7,79/10 điểm; “quản trị môi trường” đạt 3,16/10 điểm; “quản trị điện tử” đạt 3,61/10 điểm...

Có thể thấy, TP. Hà Nội đã có sự chuyển biến tích cực khi chỉ còn 1 chỉ số nội dung “quản trị môi trường” vẫn nằm trong nhóm điểm thấp nhất (năm 2020 có “quản trị môi trường” và “thủ tục hành chính công” nằm trong nhóm này).

Năm 2021, TP. Hà Nội cũng không còn nhóm chỉ số nội dung nào nằm trong nhóm điểm trung bình thấp (năm 2020 có 4 chỉ số nội dung nằm trong nhóm này); có 4 chỉ số nội dung nằm trong nhóm trung bình cao là “tham gia của người dân ở cấp cơ sở”, “trách nhiệm giải trình với người dân”, “kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”, “cung ứng dịch vụ công” (năm 2020 có 2) và 3 chỉ số nội dung nằm trong nhóm cao nhất là “công khai, minh bạch”, “thủ tục hành chính công”, “quản trị điện tử” (năm 2020 không có chỉ số nội dung nào thuộc nhóm cao nhất).

Với kết quả này, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2021 của Hà Nội tăng so với năm 2020 (năm 2020 đạt 41,629/80 điểm), nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố có điểm tổng hợp chỉ số PAPI cao nhất.

Nguồn: hanoimoi.com.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA, NHÂN RỘNG MÔ HÌNH, GIẢI PHÁP, SÁNG KIẾN TIÊU BIỂU VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022

Thực hiện Kế hoạch số 1018/KH-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phát động phong trào thi đua về cải cách hành chính, nhân rộng mô hình, giải pháp, sáng kiến tiêu biểu về cải cách hành chính trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh năm 2022, tiến tới tham gia đăng ký dự thi Giải thưởng sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 3 - năm 2023, Lĩnh vực 3: Quản lý nhà nước.

Tính đến nay, đã có 32 cơ quan, đơn vị xây dựng và triển khai kế hoạch phát động phong trào thi đua về cải cách hành chính năm 2022 tại đơn vị; 31 cơ quan, đơn vị đã thực hiện đăng ký các mô hình, giải pháp, sáng kiến về cải cách hành chính và gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp.

Theo đó, nội dung đăng ký thi đua chủ yếu tập trung vào các nội dung chính như sau:

Đối với các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị nhà nước, thực hiện đột phá các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022. Trọng tâm là nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương.

Đồng thời, thực hiện công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, vai trò giám sát của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện cải cách hành chính đối với các cơ quan nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Các cá nhân, tập thể có các mô hình sáng kiến, giải pháp, cách làm hay, hiệu quả trong thực hiện cải cách hành chính theo chủ đề năm 2022 của thành phố “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng chính quyền đô thị, cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành cùng doanh nghiệp”.

Đối với các tập thể, cá nhân là đơn vị báo, đài trên địa bàn thành phố, là tác giả, nhóm tác giả có những bài viết tuyên truyền về cải cách hành chính; có sáng kiến, cách làm hay trong công tác tuyên truyền về cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố. Người dân, doanh nhân, doanh nghiệp có mô hình giải pháp, sáng tạo được ứng dụng hiệu quả trong thực tế đối với 6 lĩnh vực của công tác cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố.

Trên cơ sở các mô hình, giải pháp, sáng kiến xuất sắc tiêu biểu được các cơ quan, đơn vị đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính thành

phổ sẽ đánh giá, lựa chọn ít nhất 20 mô hình, sáng kiến về cải cách hành chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định công nhận và triển khai áp dụng nhân rộng các mô hình tiên tiến về cải cách hành chính trên địa bàn thành phố trong thời gian tới.

Trúc Anh, Sở Nội vụ TP. Hồ Chí Minh

CẦN THƠ: TRIỂN KHAI NHIỀU GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHO ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Chiều ngày 11/5, Thành ủy Cần Thơ tổ chức Hội nghị thông báo nhanh kết quả Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 15/7/2011 của Thành ủy về “Xây dựng nếp sống văn hóa, trật tự kỷ cương đô thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2020”, sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-TU ngày 11/4/2017 ngày 11/4/2017 của Thành ủy “Về xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển thành đô thị thông minh, giai đoạn 2016-2025”.

Tại Hội nghị, Bí thư Thành ủy Cần Thơ Lê Quang Mạnh thông tin nhanh một số nội dung quan trọng của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đến lãnh đạo các sở, ban, ngành, địa phương.

Đối với việc thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, Bí thư Thành ủy Cần Thơ Lê Quang Mạnh đề nghị, các cấp, ngành tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được trong thời gian qua. Thời gian tới, các ngành, địa phương đẩy mạnh việc xây dựng người Cần Thơ “Trí tuệ - Năng động - Nhân ái - Hòa hiệp - Thanh lịch”, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố đến năm 2030; thực hiện Đề án phát triển văn hóa thành phố giai đoạn 2021 - 2030, trong đó phát huy những giá trị truyền thống, kết hợp với hiện đại, thể hiện bản chất, đặc trưng riêng của người Cần Thơ, chú trọng nâng cao giá trị về đạo đức, lối sống, ý thức tôn trọng pháp luật, tự hào và tôn vinh lịch sử văn hóa của dân tộc...

Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ phối hợp các đơn vị liên quan xem xét tham mưu Thành ủy ban hành chương trình đảm bảo trật tự kỷ cương đô thị.

Để đạt mục tiêu đến năm 2025, TP. Cần Thơ hoàn thành cơ bản hạ tầng và dịch vụ đô thị thông minh phục vụ quản lý, điều hành, cung cấp các dịch vụ công ích hiệu quả cho người dân, doanh nghiệp, Bí thư Thành ủy Cần Thơ Lê Quang Mạnh đề nghị, các sở, ngành, địa phương tiếp tục xây dựng thành phố phát triển thành đô thị thông minh đến năm 2025 và những năm tiếp theo theo Nghị quyết số 10-NQ/TU.

Các ngành, địa phương tiếp tục triển khai nhiều giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho đô thị thông minh; hoàn thiện hạ tầng và các dịch vụ đô thị thông minh, Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố; tập trung xây dựng một số lĩnh vực ưu tiên (chính quyền thông minh, quy hoạch thông minh, giao thông thông minh, môi trường thông minh, nông nghiệp thông minh...).

Ban Tuyên giáo Thành ủy phối hợp các đơn vị liên quan tiếp thu ý kiến để ban hành kết luận của Thành ủy về Nghị quyết số 10-NQ/TU; đẩy mạnh thực hiện Đề án xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển thành đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sau 5 năm triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TU, thành phố đã đạt được những kết quả quan trọng. Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 10-NQ/TU, các cấp ủy Đảng đã chỉ đạo, ban hành nhiều văn bản về xây dựng TP. Cần Thơ thông minh. TP. Cần Thơ đã xây dựng các cơ sở dữ liệu thuộc 17/18 lĩnh vực Nghị quyết số 10-NQ/TU đề ra.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ Nguyễn Văn Hồng cho biết, với mục tiêu chuyển đổi số, ngành Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn của ngành; tích cực phối hợp cùng doanh nghiệp xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của quận, huyện. TP. Cần Thơ thực hiện Dự án phát triển TP. Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị; xây dựng hệ thống thông tin quản lý rủi ro ngập...

Việc ứng dụng xây dựng “Chính quyền thông minh - Doanh nghiệp thông minh” được cụ thể hóa bằng các chỉ số về cải cách hành chính và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Trên cơ sở đó, thành phố triển khai Công dịch vụ công trực tuyến TP. Cần Thơ và nâng cấp đồng bộ cho tất cả các cơ quan hành chính nhà nước từ thành phố đến cấp huyện, xã, được bổ sung tính năng như kết nối qua hệ thống bưu điện, thanh toán trực tuyến, kết nối với trang mạng xã hội để tra cứu thông báo kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, công dân...

Thực hiện chủ trương, chính sách của Trung ương về phát triển nông nghiệp thông minh, thành phố cụ thể hóa thông qua triển khai mô hình Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp thành phố Cần Thơ.

Thành phố Cần Thơ là đô thị loại I trực thuộc Trung ương với 9 đơn vị hành chính (gồm 5 quận và 4 huyện, với 83 xã, phường, thị trấn). Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, đến nay, toàn thành phố có 598/599 ấp, khu vực đạt chuẩn văn hóa.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ Nguyễn Thực Hiện, với vị trí trung tâm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, từ năm 2011 đến nay, thành phố đã có bước phát triển khá toàn diện, đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Nhiều công trình, dự án quan trọng được đầu tư và đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả.

Công tác chỉnh trang đô thị được quan tâm, góp phần làm thay đổi bộ mặt đô thị. Công tác xây dựng nếp sống văn hóa, trật tự, kỷ cương đô thị có chuyển biến rõ nét, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mỗi người, mỗi nhà, mỗi địa phương, đơn vị, từng bước hình thành các hành vi ứng xử phù hợp với nếp sống văn hóa - văn minh đô thị trên địa bàn thành phố.

Nguồn: ttxvn/bnews.vn

QUẢNG NINH: TẠO DỰNG SỰ HÀI LÒNG VỀ NIỀM TIN CỦA NHÂN DÂN

Những kết quả đạt được trong quá trình cải cách hành chính và thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thời gian qua rất tích cực và quan trọng, góp phần nâng cao chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn. Qua đó, từng bước xây dựng nền hành chính ngày càng hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Được lòng dân

Các quầy tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công TX. Đông Triều mỗi ngày có hàng trăm công dân đến giao dịch các thủ tục hành chính, song ai cũng cảm thấy thoải mái và hài lòng từ quá trình nộp hồ sơ đến khi nhận kết quả.

Chị Nguyễn Thị Thủy, phường Mạo Khê, vừa được nhận kết quả cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau 18 ngày nộp hồ sơ tại đây. Cầm trên tay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp đổi mới, chị Thủy vui mừng chia sẻ: Tôi nộp hồ sơ từ ngày 12/4, theo quy định sau 22 ngày làm việc tôi mới được nhận kết quả nhưng ngày 8/5 tôi đã nhận được điện thoại của cán bộ Trung tâm đến nhận kết quả trước hẹn 4 ngày. Tôi không nghĩ hồ sơ của mình lại được giải quyết sớm như vậy, nên giờ nhận được kết quả tôi rất vui. Không chỉ vui vì được nhận kết quả sớm mà tôi còn rất hài lòng về phong cách làm việc, việc giao tiếp chuyên nghiệp cùng tinh thần, thái độ ứng xử với công dân rất nghiêm túc của mỗi cán bộ, công chức Trung tâm.

Cũng là người thường xuyên đến Trung tâm Hành chính công TX. Đông Triều để giải quyết thủ tục hành chính, anh Nguyễn Văn Thủy, phường Kim Sơn (TX. Đông Triều) lại bày tỏ sự hài lòng về cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư tại Trung tâm. "Tôi thấy Trung tâm giờ được trang bị thêm nhiều máy tính, máy scan, lại thường xuyên có cán bộ hỗ trợ, hướng dẫn công dân đăng ký tài khoản điện tử và nhập hồ sơ mức độ 3, mức độ 4 nên rất thuận tiện cho công dân như giảm thời gian chờ đợi, không phải đi lại nhiều, thủ tục tiếp nhận nhanh, gọn. Ngoài ra, Trung tâm còn lắp đặt hệ thống Ipad ngay tại các quầy để người dân có thể gửi đánh giá của mình đến cấp lãnh đạo nhanh nhất. Đó thực sự là cách làm hay, cần tiếp tục được phát huy" - Anh Nguyễn Văn Thủy chia sẻ.

Qua tìm hiểu thực tế chúng tôi được biết trên 98% công dân trả lời rất hài lòng, số còn lại hài lòng với chất lượng phục vụ, giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công thị xã. Những con số thường xuyên được cập nhật khi khảo sát đánh giá và đo lường mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đã cho thấy sự chuyên nghiệp, công tâm, tận tình của đội ngũ cán bộ, công chức Trung tâm luôn làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, chính xác, đúng và trước hẹn từ việc giải quyết công việc với người dân, tổ chức đến việc tiếp nhận, xử lý góp ý, kiến nghị của người dân, tổ chức.

Giám đốc Trung tâm Hành chính công TX. Đông Triều Trần Văn Tuấn, cho biết: Trong năm 2021, Trung tâm đã tiếp nhận và giải quyết tổng số 120.114 hồ sơ, trong đó 70% hồ sơ được giải quyết trước hạn, còn lại là giải quyết đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn. Riêng trong 4 tháng đầu năm 2022, dù số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết tăng 32,4% so với cùng kỳ năm 2021, với gần 25.000 hồ sơ, nhưng 100% hồ sơ đều được giải quyết đúng hạn và trước hạn, trong đó trước hạn đạt trên 70%. Ngoài ra, 100% kiến nghị, phản ánh của công dân đều được Trung tâm tiếp nhận và xử lý kịp thời.

Với phương châm công khai, minh bạch, không phiền hà, không tiêu cực, lấy sự hài lòng của tổ chức, người dân làm mục tiêu phục vụ, đội ngũ lãnh đạo, công chức, viên chức của các phòng, ban, xã, phường của TX. Đông Triều luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác, có thái độ đúng mực khi giao tiếp, không gây khó khăn, phiền hà; hướng dẫn, giải thích đầy đủ, rõ ràng cho tổ chức, cá nhân khi đến giải quyết thủ tục hành chính. Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính nếu có sai sót hoặc chậm thời gian so với quy định, cơ quan chịu trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính đều xin lỗi người dân, doanh nghiệp bằng văn bản. Hàng năm đều lấy kết quả việc thực hiện công tác cải cách hành chính là một trong những tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua khen thưởng đối với cán bộ, công chức, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu ở cơ sở...

Với cách làm này đã từng bước tạo dựng được niềm tin, sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với chính quyền địa phương, đưa TX. Đông Triều lần đầu tiên dẫn đầu các huyện, thị xã, thành phố trong toàn tỉnh về Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn.

Theo con số thống kê cụ thể, kết quả sự hài lòng của người dân, tổ chức TX. Đông Triều năm 2021 được thể hiện qua 5 lĩnh vực, với tổng điểm đạt 96,92%, tăng 1,5% so với năm 2020, cao hơn mức bình quân của tỉnh năm 2021 là 2,35% điểm số. Đặc biệt, năm 2021, 100% các lĩnh vực của Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của thị xã đều được đánh giá từ mức hài lòng và bình thường, tỷ lệ không hài lòng không có. Trong đó có 4 lĩnh vực có tỷ lệ hài lòng đều tăng so với năm 2020. Cụ thể, thủ tục hành chính đạt 95,77% hài lòng, tăng 0,57%; sự phục vụ của công chức đạt 98,48% hài lòng, tăng 2,46%; kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 98,72% hài lòng, tăng 2,54%. Đặc biệt lĩnh vực tiếp nhận, xử lý các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân thị xã đạt 100% hài lòng, tăng 8,02%.

Nỗ lực “lấp đầy” sự hài lòng của người dân

Theo điều tra, đánh giá của tỉnh, chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh năm 2021 đạt 94,44%. Trong đó, tỷ lệ trung bình đánh giá hài lòng đối với sự phục vụ của khối cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh là cao nhất, đạt 96,11%; khối huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hài lòng đạt 94,55% và khối sở, ban, ngành là 93,30%. Kết quả này cho thấy sự nỗ lực rất lớn của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác cải cách hành chính nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của Nhân dân.

So sánh với năm 2020, kết quả ở cả 5 tiêu chí đánh giá của Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021 đều tăng. Cụ thể, ở tiêu chí tiếp cận dịch vụ, tỷ lệ hài lòng chung của người dân, tổ chức đối với tiêu chí tiếp cận dịch vụ, trung bình đạt 92,72%, tỷ lệ đánh giá bình thường là 7,24%; đánh giá không hài lòng có tỷ lệ trung bình 0,04%. So với năm 2020, tỷ lệ hài lòng tăng 0,83%, tỷ lệ đánh giá không hài lòng cũng giảm từ 0,24% xuống còn 0,04%. Còn ở tiêu chí thủ tục hành chính, tỷ lệ hài lòng chung của người dân, tổ chức về thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương đạt được 93,35%; trong đó tỷ lệ không hài lòng cũng giảm 0,23% so với năm 2020.

Tiêu chí công chức hướng dẫn lập hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính cũng cho thấy sự chuyển biến rõ nét khi tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức đối với tiêu chí này đạt 95,69%, tăng 0,67% so với năm 2020, tỷ lệ đánh giá bình thường là 4,26%; tỷ lệ không hài lòng đối với tiêu chí này chỉ chiếm 0,05%.

Tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức đối với kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công là 96,86%, so với năm 2020 tăng 0,21%; tỷ lệ đánh giá không hài lòng là 0,05% và tỷ lệ đánh giá bình thường là 3,09%. Trong đó, tỷ lệ hài lòng đối với cung ứng dịch vụ hành chính công của khối cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh là 97,18%; khối huyện, thị xã, thành phố là 97,12% và khối sở, ban, ngành có tỷ lệ hài lòng là 95,65%.

Đối với tiêu chí về tiếp nhận, xử lý các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị, kết quả đánh giá cho thấy tỷ lệ người dân, tổ chức đánh giá hài lòng đối với tiêu chí này đạt 94,74%, tăng 2,67% so với năm 2020; tỷ lệ đánh giá bình thường là 5,06% và không hài lòng là 0,2%.

Con số thống kê ở cả 5 tiêu chí trong Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021 đã phản ánh cơ bản, toàn diện các nội dung trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính từ việc tiếp cận dịch vụ; việc công khai thủ tục hành chính; công chức trực tiếp giải quyết công việc với người dân, tổ chức; kết quả người dân, tổ chức nhận được cho đến việc tiếp nhận, xử lý góp ý, kiến nghị của người dân, tổ chức.

Thời gian qua, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã nỗ lực trong việc bố trí cơ sở vật chất; trang bị máy móc hiện đại để phục vụ người dân, tổ chức khi đến giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo nhanh chóng không phải chờ khi đến và thuận lợi trong việc tra cứu các thông tin cần thiết liên quan đến thủ tục hành chính cần giải quyết. Cùng với đó, thường xuyên rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm chuẩn hóa các bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; đồng thời thực hiện công khai đầy đủ nội dung thủ tục hành chính theo quy định, đảm bảo thuận lợi cho người dân, tổ chức tra cứu, thực hiện thủ tục hành chính.

Để tiếp tục phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng mong muốn của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trong phục vụ các dịch vụ công, thời gian tới các sở, ngành, địa phương trong tỉnh tiếp tục mở rộng các hình thức thông tin; cải thiện hệ thống cơ sở vật chất tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại và thường

xuyên rà soát, thực hiện nghiêm yết các thủ tục hành chính kịp thời, đầy đủ để người dân, doanh nghiệp tra cứu, tìm kiếm khi cần thiết. Song song với đó, nghiên cứu đổi mới quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại các Trung tâm Hành chính công và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm sự tiếp xúc trực tiếp với người dân, doanh nghiệp; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức trên môi trường mạng thông qua dịch vụ công trực tuyến qua dịch vụ bưu chính công ích.

Nguồn: baoquangninh.com.vn

CAO BẰNG: BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG, NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC VĂN THƯ, LƯU TRỮ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2022

Thực hiện Kế hoạch số 3778/KH-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022, từ ngày 09/5 đến 11/5/2022, Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng tham mưu tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ văn thư, lưu trữ cho 131 học viên là công chức cấp xã phụ trách công tác văn thư, lưu trữ của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Trong 03 ngày tham gia bồi dưỡng, học viên đã được các giảng viên của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội truyền tải các kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản về công tác văn thư, lưu trữ, như: công tác lập hồ sơ và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan; việc quản lý văn bản điện tử trên Hệ thống Phần mềm;... Đặc biệt, tại khóa bồi dưỡng này, các học viên đã được tập huấn nghiệp vụ lập hồ sơ điện tử, lưu trữ hồ sơ điện tử trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice, do lãnh đạo và công chức Phòng Quản lý văn thư, lưu trữ Sở Nội vụ phối hợp với cán bộ Viễn thông Cao Bằng trực tiếp hướng dẫn.

Việc lập hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử là mục tiêu quan trọng đã được xây dựng và ban hành tại Kế hoạch số 1946/KH-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về triển khai Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025”. Theo đó, công tác lập hồ sơ điện tử, lưu trữ hồ sơ điện tử tại các cơ quan nhà nước nhằm đạt mục tiêu quản lý thống nhất, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ điện tử hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận và sử dụng tài liệu lưu trữ của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Khóa bồi dưỡng đã góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đối với công tác văn thư, lưu trữ, đồng thời trang bị thêm những kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ lập hồ sơ điện tử trên Hệ thống phần mềm, qua đó góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả của

công tác văn thư, lưu trữ tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

Dương Kiều, Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng

YÊN BÁI: CẢI CÁCH ĐỀ THU HÚT ĐẦU TƯ

Với phương châm 'chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp', bên cạnh triển khai thực hiện đồng bộ, đầy đủ các chính sách thu hút đầu tư, tỉnh đã kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hình thành dự án cũng như trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thông qua đối thoại với doanh nghiệp, chỉ đạo các ngành liên quan chủ động nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trên địa bàn.

Xác định cải cách hành chính vẫn là điểm nghẽn cản trở thu hút đầu tư, tỉnh đã yêu cầu chính quyền các cấp, sở, ngành phải đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm những thủ tục rườm rà gây phiền hà, khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Bên cạnh thể chế, thời gian qua, tỉnh cũng đã triển khai nhiều giải pháp nhằm chuẩn bị tốt nhất các điều kiện cần thiết để nhà đầu tư yên tâm triển khai dự án; trong đó, giải pháp đầu tiên là tỉnh đã bố trí nguồn vốn xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư.

Theo đó, hàng loạt các dự án hạ tầng giao thông đã được triển khai xây dựng để kết nối vùng, liên vùng với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Qua đó, góp phần đẩy mạnh liên kết các vùng, miền trong tỉnh kết nối tỉnh Yên Bái với các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc, vùng Đồng bằng sông Hồng và Thủ đô Hà Nội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác xúc tiến đầu tư đạt được nhiều kết quả nổi bật, do tỉnh liên tục đổi mới về nội dung, hình thức để tiếp cận, cung cấp thông tin đầy đủ đến các nhà đầu tư. Qua đó, số lượng nhà đầu tư đến tỉnh Yên Bái tiếp tục tăng, tạo bước chuyển biến mới về hợp tác và thu hút đầu tư.

Công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh của tỉnh luôn được quan tâm chỉ đạo sát sao. Theo đó, tỉnh đã tổ chức nhiều hình thức như: tham dự các hội nghị, diễn đàn để giới thiệu, quảng bá môi trường và cơ hội kinh doanh, đầu tư của tỉnh Yên Bái tới doanh nghiệp, nhà đầu tư để mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm chủ lực có thế mạnh của tỉnh.

Với nhiều giải pháp đồng bộ nêu trên, vượt qua nhiều khó khăn do tác động của dịch COVID-19, tỉnh Yên Bái đang là điểm đến đầu tư tin cậy, hấp dẫn trong thu hút đầu tư. Tính riêng năm 2021, tỉnh vẫn thu hút được 54 dự án, với tổng vốn đăng ký 7.047 tỷ đồng và 2,08 triệu USD. Đến tháng 3/2022, tỉnh Yên Bái là nơi hội tụ của trên 2.729 doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, với 585 dự án đầu tư, tổng số vốn đăng ký đầu tư khoảng trên 86.911 tỷ đồng và 465 triệu USD; trong đó, có 550 dự án trong nước, 35 dự án FDI.

Đề tạo đột phá trong thu hút đầu tư, tỉnh sẽ tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp về cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; tập trung các nguồn lực và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 nhằm đảm bảo môi trường đầu tư an toàn.

Hiện, tỉnh Yên Bái đang tích cực triển khai xây dựng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở định hướng cho doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh, triển khai dự án.

Bên cạnh quy hoạch, tỉnh cũng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ DN của Chính phủ, của tỉnh về thuế, tín dụng, thị trường, lao động, xuất nhập khẩu, thủ tục hành chính. Đặc biệt, tỉnh tiếp tục tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; trong đó, công khai, minh bạch toàn bộ thủ tục hành chính; tiếp tục cải cách hành chính theo hướng "3 giảm": giảm đầu mối, giảm thủ tục giải quyết, giảm thời gian chờ đợi; đặc biệt là, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục cấp phép xây dựng, thành lập doanh nghiệp.

Theo đó, hiện nay, tỉnh đang tích cực hỗ trợ các tập đoàn, doanh nghiệp triển khai các dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn, tỉnh Yên Bái cam kết luôn đồng hành sát cánh cùng nhà đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu, khảo sát, đề xuất đầu tư và cả trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nguồn: baophapluat.vn

KHÁNH HÒA: KHO BẠC NHÀ NƯỚC ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Với những nỗ lực cải cách hành chính trên nền tảng công nghệ hiện đại, Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa đã cung cấp 100% thủ tục thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Đây là tiền đề quan trọng để Kho bạc Nhà nước Khánh Hòa cùng hệ thống Kho bạc Nhà nước tiến nhanh đến mục tiêu Kho bạc số vào năm 2030.

Thời gian qua, Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa đã đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến và thực hiện tốt liên thông các ứng dụng nghiệp vụ với mục tiêu tự động hóa tối đa các bước xử lý trên chương trình, nâng cao năng suất, chất lượng lao động của đội ngũ công chức Kho bạc Nhà nước, chuẩn hóa dữ liệu của đơn vị sử dụng ngân sách khi lập và kiểm soát hồ sơ, chứng từ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Nhằm gia tăng tiện ích liên thông, Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa triển khai thực hiện Quyết định số 935/QĐ-KBNN ngày 04/3/2022 của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước về quy định chuẩn kết nối và tích hợp phần mềm ứng dụng của các cơ quan, tổ chức vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến Kho bạc Nhà nước. Đây là cơ sở để các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách có thể kết nối, tích hợp dữ liệu trực tiếp từ phần mềm ứng dụng của đơn vị vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến, giúp giảm thiểu việc nhập, xử lý dữ liệu trùng lặp nhiều lần. Qua đó, tăng cường trải nghiệm của người dùng, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Kho bạc Nhà nước, đồng thời giảm tải cho hệ thống dịch vụ công trực tuyến Kho bạc Nhà nước.

Việc vận hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên phạm vi rộng đã hình thành kênh giao dịch điện tử của Kho bạc Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí đi lại, chờ đợi cho khách hàng trong giao dịch với Kho bạc Nhà nước. Bên cạnh đó, việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến với chữ ký số góp phần tăng cường tính bảo mật, tránh việc giả mạo chữ ký, con dấu của đơn vị, giúp khách hàng cũng như Kho bạc Nhà nước có thể giám sát quá trình xử lý hồ sơ và kiểm soát chi ngân sách nhà nước, nâng cao tính trách nhiệm và minh bạch trong công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước nói riêng và giao dịch với khách hàng nói chung.

Ngoài ra, việc dịch vụ công trực tuyến hỗ trợ lấy số liệu tự động trên TABMIS đã giúp việc đối chiếu, xác nhận số liệu của đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước được chính xác, nhanh chóng, giảm thiểu sai sót trong quá trình đối chiếu, góp phần đảm bảo an toàn tiền, tài sản của Nhà nước.

Triển khai thực hiện bản “Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin hướng tới Kho bạc số”, Kho bạc Nhà nước Khánh Hòa triển khai Chương trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư qua Kho bạc Nhà nước. Chương trình này đã hỗ trợ công tác quản lý kiểm soát chi các dự án theo tổng mức đầu tư, hợp đồng và dự toán đối với trường hợp không thực hiện theo hợp đồng, kế hoạch vốn hàng năm, quản lý cam kết chi; được kết nối với các hệ thống ứng dụng nghiệp vụ khác.

Chương trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư qua Kho bạc Nhà nước thực hiện quản lý các giao dịch phát sinh liên quan đến chi đầu tư đáp ứng yêu cầu quản lý, kiểm soát chứng từ chi đầu tư qua Kho bạc Nhà nước. Việc cung cấp nhanh chóng, kịp thời và chính xác số liệu giải ngân vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước sẽ giúp chính quyền các cấp có đầy đủ thông tin phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Với những nỗ lực cải cách hành chính trên nền tảng công nghệ hiện đại, Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa đã cung cấp 100% thủ tục thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Đội ngũ cán bộ, công chức Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa đã làm chủ được công nghệ, phục vụ hiệu quả công việc chuyên môn thông qua phương thức điện tử và hướng đến số hóa cùng hệ thống Kho bạc Nhà nước tiến nhanh đến mục tiêu kho bạc số vào năm 2030.

Nguồn: tapchitaichinh.vn

ĐẮK NÔNG: THỰC HIỆN CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022

Thực hiện Quyết định số 251/QĐ-BNV ngày 29/3/2022 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022, nhằm thực hiện hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung triển khai thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của cải cách hành chính đến phát triển

kinh tế - xã hội của tỉnh; tuyên truyền tình hình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2022. Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Thứ hai, về cải cách thể chế, tuyên truyền việc tiếp tục hoàn thiện thể chế và đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương; tổ chức thực hiện hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thứ ba, về cải cách thủ tục hành chính, tuyên truyền việc triển khai, kết quả, hiệu quả việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; dịch vụ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua bưu chính công ích. Tăng cường tuyên truyền việc xây dựng và hoàn thiện các hình thức công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính, trọng tâm là các lĩnh vực về: đầu tư, đất đai, xây dựng, sở hữu nhà ở, thuế, y tế, tiếp cận điện năng, quản lý thị trường...

Thứ tư, về tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, tuyên truyền tình hình triển khai Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tinh giản biên chế; tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII để vừa tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế vừa nâng cao năng lực, hiệu quả trong hoạt động, điều hành.

Thứ năm, về cải cách chế độ công vụ, tuyên truyền các quy định của pháp luật về quản lý, tuyển dụng, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính nhà nước; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công vụ, nhiệm vụ, nhất là trong giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức.

Thứ sáu, về cải cách tài chính công, tuyên truyền về thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước, các văn bản của Trung ương, của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công; các quy định, quy chế về quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Thứ bảy, về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, tuyên truyền về tình hình triển khai các nội dung xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trọng tâm là triển khai có hiệu quả Chương trình

chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông...

Thứ tám, về thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, tuyên truyền việc triển khai các biện pháp nhằm thu hút các dự án đầu tư, công tác kiểm tra, giám sát sau đầu tư, kiểm tra, rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư; các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, công tác giải phóng mặt bằng, đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư.

3 hình thức tập trung tuyên truyền

Một là, thông qua tất cả các loại hình báo chí và huy động, sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông các huyện, thành phố và các cơ quan thông tấn, báo chí, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hai là, thông qua việc phát hành tờ gấp, pa nô, áp phích liên quan đến cải cách hành chính, phù hợp với từng mục tiêu, yêu cầu, nội dung tuyên truyền, phổ biến đến từng nhóm đối tượng cụ thể.

Ba là, thông qua hình thức tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng; lồng ghép nội dung tuyên truyền cải cách hành chính trong các Hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, Cuộc thi tìm hiểu chính sách pháp luật.

Manh Tuyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

BÌNH ĐỊNH: CHUYÊN CÔNG TÁC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC THIỂU TRÁCH NHIỆM, THƯỜNG XUYÊN ĐỂ HỒ SƠ TRỄ HẸN, QUÁ HẠN

Ngày 12/5, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cho biết, Phó Chủ tịch Lâm Hải Giang vừa có yêu cầu chấn chỉnh tình trạng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hẹn/quá hạn.

Theo ông Giang, thời gian qua, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nhìn chung đã có nhiều cố gắng trong công tác giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, nhất là việc hạn chế số lượng hồ sơ trễ hẹn/quá hạn.

Tuy nhiên, một số địa phương, nhất là đối với cấp xã chưa có sự chuyển biến rõ nét. Số lượng hồ sơ trễ hẹn/quá hạn của cấp huyện, cấp xã chiếm 98.9% tổng hồ sơ trễ hẹn/quá hạn của cả tỉnh (725 hồ sơ/733 hồ sơ trong Quý I năm 2022), trong đó cấp xã chiếm 77.9% với 571 hồ sơ.

Theo đó, ông Giang yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo rà soát, kiểm tra và xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân không thực hiện nghiêm các

quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và các văn bản chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với việc sử dụng Phần mềm Một cửa điện tử, thường xuyên đề xảy ra hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trễ hẹn/quá hạn.

Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Vân Canh, Phù Cát, Phù Mỹ chỉ đạo kiểm tra, tổng hợp, báo cáo giải trình các nội dung liên quan đến việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hẹn/quá hạn của địa phương; triển khai thực hiện ngay các biện pháp khắc phục, không để xảy ra tình trạng hồ sơ tồn đọng, kéo dài thời gian giải quyết, nhất là liên quan đến trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, quy trình phối hợp xử lý công việc. Kết quả thực hiện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 30/5.

Thực hiện chuyển công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên đề hồ sơ trễ hẹn/quá hạn và có biểu hiện thiếu trách nhiệm, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Lãnh đạo tỉnh Bình Định cũng giao Giám đốc Sở Nội vụ tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, việc thực hiện trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; hướng dẫn, kiểm tra việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, bảo đảm thực chất, khách quan...

Nguồn: tienphong.vn

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 70/KH-UBND về việc thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong quá trình tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh trong năm 2022.

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh là đơn vị đầu tiên thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính từ tháng 6. Phóng viên Báo Bà Rịa - Vũng Tàu đã có cuộc trao đổi với ông Dương Văn Thơm, Phó Giám đốc Thường trực Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để hiểu rõ hơn về việc này.

Phóng viên: Thưa ông, việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được hiểu như thế nào?

Ông Dương Văn Thơm: Số hóa có thể tạm hiểu một cách đơn giản đó là tổng hợp các hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm chuyển hồ sơ, kết quả từ bản giấy sang dạng điện tử có giá trị sử dụng như đối với bản giấy để lưu trữ, khai thác, sử dụng cho các giao dịch, trong đó có giao dịch thủ tục hành chính.

Ví dụ khi cơ quan nhà nước cấp Quyết định về chủ trương đầu tư cho doanh nghiệp, đây là kết quả giải quyết thủ tục hành chính và sẽ được số hóa, chuyển vào kho dữ liệu của doanh nghiệp trên hệ thống thông tin. Sau này, nếu doanh nghiệp liên hệ với cơ quan nhà nước để

thực hiện các thủ tục hành chính thì sẽ không phải nộp lại Quyết định về chủ trương đầu tư đã cấp trước đó. Đây là một giải pháp nhằm tạo bước đột phá trong công tác cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử.

Phóng viên: Để thực hiện được việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần những điều kiện gì, thưa ông?

Ông Dương Văn Thơm: Có thể đặt ra 4 nhóm điều kiện cơ bản nhất để thực hiện được số hóa: nhóm thứ nhất liên quan đến xác định Danh mục giấy tờ cần số hóa; nhóm thứ hai liên quan đến quy trình các bước số hóa; nhóm thứ ba liên quan đến nhân lực để thực hiện và nhóm thứ 4 là cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác số hóa.

Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã phối hợp với các sở, ngành, địa phương ban hành hướng dẫn về Quy trình số hóa và hiện đang đẩy nhanh tiến độ tham mưu ban hành Danh mục giấy tờ cần số hóa; rà soát, sắp xếp nhân lực làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và các máy móc, trang thiết bị. Công tác chuẩn bị của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến sẽ hoàn thành ngay trong tháng 5/2022, sẵn sàng cho lộ trình số hóa theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ một số thủ tục hành chính có yêu cầu các loại giấy tờ đặc thù như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy A3, bản vẽ xây dựng giấy A0... sẽ được tiếp tục bổ sung thực hiện).

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũng đã giao Sở Thông tin và Truyền thông trong tháng 5/2022 phải hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả. Đây được xem là điều kiện quan trọng nhất để có thể thực hiện được việc số hóa theo quy định.

Theo Kế hoạch, việc triển khai thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong quá trình tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm 100% hồ được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh từ ngày 01/6; tại Bộ phận một cửa cấp huyện từ ngày 01/12/2022.

Để thực hiện việc số hóa, từ nay đến hết tháng 5/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ như: Rà soát, lập danh mục thành phần hồ sơ thủ tục hành chính cần số hóa; quyết định công bố danh mục hồ sơ thủ tục hành chính cần số hóa; cấp chữ ký số cho công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận một cửa cấp huyện để thực hiện số hóa hồ sơ; xây dựng quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp; hoàn thiện hệ thống phần mềm công nghệ thông tin phục vụ việc số hóa.

Phóng viên: Số hóa hồ sơ thủ tục hành chính sẽ mang lại lợi ích gì, thưa ông?

Ông Dương Văn Thơm: Việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết sang dạng điện tử sẽ giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, công khai, minh bạch; tăng cường sự kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; giảm chi phí, thời gian, nhân lực cho công tác in ấn ban hành, lưu trữ văn bản; công tác truy xuất để khai thác sử dụng cũng sẽ nhanh chóng, thuận lợi, chính xác.

Về phía người dân thì có thể hoàn thiện hồ sơ một cách nhanh chóng, thuận lợi, giảm chi phí thông qua việc khai thác kho dữ liệu điện tử; khai thác và sử dụng đầy đủ các tiện ích của dịch vụ công trực tuyến, giao dịch thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Từ đó, giảm chi phí, thời gian, nâng cao sự hài lòng của công dân.

Mục tiêu của việc làm này là dần tiến tới tất cả các thủ tục hành chính đều được số hóa, tạo tiện ích cho người dân, doanh nghiệp cũng như cơ quan hành chính nhà nước, giúp tiết kiệm chi phí. Đồng thời, nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số trong xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số, góp phần bảo đảm điều kiện cơ bản cho xây dựng Chính quyền điện tử tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đây được coi là bước đột phá trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính một cách nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính gắn với số hóa. Từ đó, xây dựng được nền hành chính hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và chỉ số cải cách hành chính của tỉnh trong thời gian tới.

Nguồn: baobariavungtau.com.vn

ĐỒNG THÁP: SÁT CÁNH CÙNG CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP

Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Phạm Thiện Nghĩa, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh liên tục nhiều năm đứng trong nhóm dẫn đầu cả nước tạo ra hình ảnh tích cực trong mắt các nhà đầu tư.

Khẳng định đẳng cấp

Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 2021 do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) công bố mới đây cho thấy, tỉnh Đồng Tháp xếp thứ 3 cả nước và tiếp tục dẫn đầu các tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Đây cũng là năm thứ 14 liên tiếp, Đồng Tháp nằm trong nhóm 5 và năm thứ 8 liên tiếp nằm trong nhóm 3 tỉnh/thành phố “Có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất nước”.

Tính từ năm 2008 đến năm 2021, tỉnh Đồng Tháp đã có 14 năm liên tiếp nằm trong nhóm 5 tỉnh/thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất cả nước. Được biết đến với sáng kiến “cà phê doanh nhân” bắt đầu từ năm 2016, tỉnh Đồng Tháp hiện đã mở rộng thêm nhiều hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của các hộ kinh doanh. Tỉnh Đồng Tháp cũng khuyến khích thành lập các hội quán và các hợp tác xã nhằm tăng cường kết nối giữa những cá nhân và cơ sở sản xuất, kinh doanh, qua đó cùng chia sẻ kinh nghiệm và giúp đỡ nhau lớn mạnh hơn trong hoạt động kinh doanh. Đây cũng là một hình thức hiệu quả giúp kết nối chuỗi giá trị ở địa phương, đặc biệt là các chuỗi giá trị về nông sản.

Ông Phạm Thiện Nghĩa chia sẻ: “Vui mừng với kết quả đó, trước hết, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến cộng đồng doanh nghiệp, các nhà đầu tư đã có đánh giá khách quan, công tâm và tinh thần trách nhiệm cao đối với môi trường kinh doanh tại tỉnh Đồng Tháp. Đó chính là khích lệ to lớn cho cả bộ máy chính quyền tỉnh về sự kiên trì vượt qua những rào cản, tiếp tục thay đổi trong lề lối làm việc, cải cách thủ tục hành chính, thay đổi nhận thức về vai trò quan trọng của doanh nghiệp đối với tăng trưởng của địa phương”.

Ông Nghĩa cho rằng, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh liên tục nhiều năm đứng trong nhóm các địa phương dẫn đầu đã tạo ra một hiệu ứng tốt, một hình ảnh Đồng Tháp tích cực cho tất cả những ai đang tìm kiếm cơ hội đầu tư. Đồng thời, khẳng định chủ trương “đồng hành cùng doanh nghiệp” mà lãnh đạo tỉnh đã theo đuổi và cam kết trong suốt chặng đường phát triển vừa qua.

Mặc dù môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh luôn được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao, song không tự mãn với kết quả hiện có, người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cho rằng, nhìn vào kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021 cho thấy, dư địa cải thiện của tỉnh vẫn còn khá nhiều, nhất là đối với các chỉ số thành phần sụt giảm điểm so với Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2020 như: chi phí thời gian, tính năng động của chính quyền tỉnh, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự... Điều này chứng tỏ nỗ lực của các cấp chính quyền tỉnh vẫn chưa đáp ứng hết được mong muốn của người dân và cộng đồng doanh nghiệp, đòi hỏi cả hệ thống chính trị phải phấn đấu hơn nữa, cùng chung sức, đồng lòng để chuyển hóa những thách thức, khó khăn thành cơ hội phát triển; tiếp tục lan tỏa tinh thần “Đồng hành với doanh nghiệp”.

“Chúng tôi xin cam kết sẽ luôn sát cánh cùng cộng đồng doanh nghiệp trên bước đường phát triển sự nghiệp của quý vị tại quê hương Đồng Tháp và cũng mong rằng, quý doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp tục hợp tác, gắn bó, sẻ chia với chính quyền vì một Đồng Tháp ngày càng phát triển, văn minh, giàu đẹp và thịnh vượng”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tái khẳng định.

Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong giai đoạn từ năm 2020 - 2022 (tính đến ngày 15/4/2022), trên địa bàn tỉnh có 52 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư/chấp thuận nhà đầu tư/cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 5.460 tỷ đồng, trong đó, 15 dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động với tổng vốn đầu tư là 1.197 tỷ đồng.

Riêng 4 tháng đầu năm nay (tính từ đầu năm đến ngày 14/4/2022), tỉnh Đồng Tháp đã tiếp nhận mới 29 hồ sơ đăng ký dự án đầu tư; có 3 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đăng ký là 320 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2021 là 6 dự án, với tổng vốn đầu tư 91 tỷ đồng).

Phát huy lợi thế thương hiệu Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Hình ảnh về một địa phương năng động, sáng tạo, môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng và sự thân thiện của chính quyền đã trở thành “thương hiệu” nổi tiếng của tỉnh Đồng Tháp, đây được xem là lợi thế lớn của tỉnh trong thu hút đầu tư. Trong thời gian gần đây, tỉnh

Đồng Tháp đã tiếp đón nhiều đoàn doanh nghiệp, nhà đầu tư tới khảo sát, nghiên cứu, ký kết các biên bản thỏa thuận hợp tác, đăng ký đầu tư trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Cụ thể, NovaGroup đã xin chủ trương nghiên cứu đầu tư hàng loạt dự án lớn tại Đồng Tháp. Cuối tháng 01/2022, NovaGroup đã có Công văn gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương nghiên cứu dự án đầu tư xây dựng và tham gia đấu giá giai đoạn I, bao gồm Dự án Khu đô thị thông minh Rừng Xanh 115 ha, Dự án Khu du lịch làng nghề Bùi Thanh Thủy 127 ha, Dự án Las Vegas Island 250 ha (khu vực thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp), Dự án Mekong Smart City ở TP. Hồng Ngự. Đây là các dự án nằm trong số 11 dự án thành phần thuộc đại dự án Thành phố thông minh Mekong (Mekong Smart City) do Công ty cổ phần NovaGroup xin chủ trương nghiên cứu đầu tư nằm trên địa bàn 2 tỉnh Đồng Tháp và An Giang.

Theo đó, đại dự án Mekong Smart City với 11 dự án thành phần gồm: 3 dự án triển khai thực hiện giai đoạn 2022 - 2025 là: Khu đô thị thông minh Rừng Xanh; Khu du lịch làng nghề Bùi Thanh Thủy; nhà máy chế biến trái cây. Các dự án đề xuất nghiên cứu, lập quy hoạch thực hiện gồm: Las Vegas Island; Cảng biển Mekong (Thường Phước); Khu hậu cần Logistics Mekong; Khu kinh tế đặc biệt, quy mô dự kiến 5.300ha; Làng Mekong, quy mô dự kiến 450ha; Khu công nghiệp Mekong, quy mô dự kiến 1.000ha; Khu nông nghiệp công nghệ cao, quy mô dự kiến 950ha; Sân bay dân dụng và hàng hóa, Khu công nghệ AI, quy mô dự kiến 2.000ha.

Một doanh nghiệp khác là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu công nghiệp Phát Đạt cũng đã đề xuất dự án đầu tư xây dựng các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, gồm: Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phát Đạt - Đồng Tháp, quy mô diện tích 500ha (sau khi lấp đầy 60% sẽ mở rộng thêm 500ha); Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phát Đạt - Đồng Tháp II, quy mô 300ha (sau khi lấp đầy 60% sẽ mở rộng thêm 600ha) và Khu công nghiệp cảng Cao Lãnh, quy mô 100ha.

Ngoài ra, tỉnh Đồng Tháp đã ký biên bản ghi nhớ hợp tác chiến lược với Tập đoàn T&T thuộc các lĩnh vực: đầu tư bất động sản, đô thị, tài chính, năng lượng, nông nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ và logistics. Tập đoàn TH cũng mong muốn hợp tác đầu tư lĩnh vực nông nghiệp tại Đồng Tháp. Tập đoàn Everland thì nghiên cứu, khảo sát và đầu tư Dự án Tổ hợp đô thị - du lịch Flower World Sa Đéc. Tập đoàn Đầu tư tài chính và Xây dựng Đại Dương (OCEAN Group) đề xuất đầu tư Dự án Trung tâm logistics và mở rộng chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp với quy mô 8,3ha, nhằm phục vụ nhu cầu giao nhận và lưu kho hàng nông sản; phát triển dịch vụ bảo quản, tiêu thụ sản phẩm rau quả...

Nhằm tiếp tục nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để quê hương “Đất sen hồng” luôn là điểm đến hấp dẫn đối với nhà đầu tư, tỉnh Đồng Tháp tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh toàn diện trên các lĩnh vực, khắc phục các điểm yếu. Xây dựng bộ máy chính quyền năng động, thân thiện, chú trọng các giải pháp cắt giảm và đơn giản hóa quy trình thủ tục hành chính. Thực hiện tốt chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, tạo động lực nâng cao hiệu quả cải cách hành chính.

Hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp kết nối tiêu thụ, nâng cao năng lực ứng dụng thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới quy trình sản xuất.

Với mục tiêu góp phần nâng cao công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, giúp người dân và doanh nghiệp tương tác nhanh với lãnh đạo tỉnh, qua đó phản ánh, kiến nghị trực tiếp về công tác quản lý, mới đây, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã khai trương Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp.

Bên cạnh đó, tỉnh Đồng Tháp đang đẩy nhanh tiến độ thành lập Trung tâm Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, nhằm tăng cường hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp, phát triển những dự án khởi nghiệp có tiềm năng, hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị của hộ kinh doanh, tạo động lực phát triển doanh nghiệp từ nguồn lực nội tại của địa phương.

Nguồn: baodautu.vn

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ ĐỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Công tác cán bộ giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ta. Trong giai đoạn cách mạng mới, cần phải tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, hướng tới mục tiêu đến năm 2030 đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao như Dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đặt ra.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ: “Tiếp tục ban hành và thực hiện các quy định, quy chế, cơ chế trong công tác cán bộ bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và chặt chẽ giữa các khâu, liên thông giữa các cấp; trong đó có quy chế về đánh giá đúng đắn, khách quan đối với cán bộ, để có cơ sở sử dụng, bố trí cán bộ, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng chạy chức, chạy tuổi, chạy bằng cấp,...”(1). Như vậy, Đảng ta xác định trong bất cứ thời kỳ nào của cách mạng, cán bộ và công tác cán bộ cũng là vấn đề trọng yếu; có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng, góp phần quyết định thành công trong quá trình tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”, “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”(2). Theo Người, cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời, đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng.

Công tác cán bộ bao gồm nhiều khâu, từ phát hiện, tuyển chọn, nhận xét, đánh giá, đến quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, bổ nhiệm, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ. Các khâu của công tác cán bộ là một chỉnh thể thống nhất, có quan hệ chặt chẽ, mật thiết với nhau, tác động, thúc đẩy lẫn nhau; khi thực hiện tốt khâu này sẽ là tiền đề và cơ sở để thực hiện tốt các khâu khác và ngược lại, nếu một khâu nào đó thực hiện chưa tốt, không đúng quy trình sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các khâu khác và kết quả chung của công tác cán bộ. Vì vậy, trong quá trình thực hiện công tác cán bộ phải kết hợp chặt chẽ và đồng bộ tất cả các khâu, không được coi nhẹ hoặc bỏ qua một khâu nào.

Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, khóa XII đã thẳng thắn nhìn nhận: “Nhìn tổng thể, đội ngũ cán bộ đông nhưng chưa mạnh; tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ xảy ra ở nhiều nơi... Không ít cán bộ trẻ thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện. Một bộ phận không nhỏ cán bộ phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược, thiếu gương mẫu, uy

tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm”(3).

Công tác xây dựng Đảng thực chất là xây dựng con người, xây dựng tổ chức vững mạnh. Vì vậy, phải trên tinh thần lấy “xây” để “chống”. Do đó, phải đổi mới toàn diện và mạnh mẽ hơn nữa phương thức lãnh đạo của Đảng. Cần chú trọng, tăng cường việc giám sát người đứng đầu các tổ chức. Đặc biệt, phải lấy hiệu quả công tác và sự tín nhiệm của Nhân dân để đánh giá cán bộ và bố trí, sử dụng cán bộ. Sự tín nhiệm của nhân dân là thước đo giá trị chuẩn mực nhất đối với cán bộ, đảng viên.

Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh không phải là điều gì đó quá trừu tượng, hoặc nói chung chung, mà chính là những hành động, việc làm cụ thể của mỗi cán bộ, đảng viên gắn với hoạt động thực tiễn trong đời sống xã hội của quần chúng Nhân dân. Do vậy, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cũng chỉ nhằm mục đích cao nhất là lo cho Nhân dân. Đảng mạnh, dân sẽ giàu, nước sẽ vững. Sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên có tác dụng rất lớn đối với công tác xây dựng Đảng. Mọi hành động, lời nói của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng có ảnh hưởng rất lớn tới quần chúng Nhân dân. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khóa XI đã chỉ rõ: “Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ. Công tác quy hoạch, chuẩn bị đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược, có ý nghĩa hết sức quan trọng, là nội dung trọng yếu, bảo đảm cho công tác cán bộ đi vào nền nếp, chủ động”(4).

Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược trong thời gian tới phải có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới, đó là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nền kinh tế số, kinh tế tri thức và biến đổi khí hậu, nước biển dâng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ trong bối cảnh tình hình trong nước, khu vực và thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Đây là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng mà Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nhiều lần nhấn mạnh: “Xây dựng Đảng là nhiệm vụ “then chốt” thì công tác cán bộ là then chốt của nhiệm vụ then chốt”.

Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững. Do đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy khóa XII đã nêu rõ quan điểm: thực hiện nghiêm, nhất quán nguyên tắc Đảng lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị. Chuẩn hóa, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với xây dựng thể chế, tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, phát huy sáng tạo và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung. Phân công, phân cấp gắn với giao quyền, ràng buộc trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và xử lý nghiêm minh sai phạm.

Tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, thường xuyên đổi mới công tác cán bộ phù hợp với tình hình thực tiễn. Xây dựng đội ngũ cán bộ phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới; thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của Nhân dân; đặt

trong tổng thể của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, thu hút, trọng dụng nhân tài.

Quán triệt nguyên tắc về quan hệ giữa đường lối chính trị và đường lối cán bộ; quan điểm giai cấp và chính sách đại đoàn kết rộng rãi trong công tác cán bộ. Xử lý hài hòa mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, trong đó tiêu chuẩn là chính; giữa xây và chống, trong đó xây là nhiệm vụ chiến lược, cơ bản và lâu dài, chống là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên; giữa đức và tài, trong đó đức là gốc; giữa tính phổ biến và tính đặc thù; giữa kế thừa, đổi mới và ổn định, phát triển; giữa thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân và tập thể(5).

Đồng thời, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát và xử lý, kỷ luật nghiêm minh đối với các trường hợp cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước, quan liêu, tham ô, tham nhũng, gây mất đoàn kết nội bộ, giảm lòng tin với Nhân dân. Công tác kiểm tra giám sát yêu cầu cấp ủy tiến hành có hệ thống, thường xuyên và đột xuất. Công tác kiểm tra, giám sát phải gắn kết chặt chẽ với việc xử lý nghiêm minh, công bằng, bình đẳng các hành vi vi phạm kỷ luật.

Hiện nay, chúng ta đang tập trung chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đây là sự kiện chính trị có ý nghĩa trọng đại của đất nước. Trong các công việc chuẩn bị cho Đại hội, công tác nhân sự cấp ủy khóa mới là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là nhân tố bảo đảm cho thành công của Đại hội, cũng như việc triển khai thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đại hội trong nhiệm kỳ mới. Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị đã đặt ra yêu cầu: kiên quyết sàng lọc, không để lọt vào cấp ủy khóa mới những người có phẩm chất, năng lực, uy tín giảm sút; thiếu gương mẫu, mất đoàn kết, cục bộ, bè phái, cơ hội; có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; chạy chức, chạy quyền, tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế, quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước. Đặc biệt, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thông qua nhân sự là Ủy viên Bộ Chính trị khóa XII thuộc trường hợp “đặc biệt” tái cử khóa XIII và danh sách đề cử các đồng chí ứng cử các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước nhiệm kỳ khóa XIII.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là một dấu mốc rất quan trọng, có ý nghĩa định hướng tương lai, cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Do đó, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ, tình hình tư tưởng trong Đảng và tâm trạng trong cán bộ, đảng viên, bên cạnh mặt tích cực là cơ bản thì vẫn còn có những biểu hiện đáng lo ngại, nhất là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức mới chỉ bước đầu được ngăn chặn, đẩy lùi. Bởi vậy, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên là vấn đề mang tính quy luật trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng; một trong những nội dung quan trọng xây dựng Đảng trong sạch,

vững mạnh và đổi mới toàn diện về cán bộ và công tác cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong hình mới.

*Thượng tướng, TS. Lê Huy Vịnh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Ủy viên Quân ủy Trung ương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
Nguồn: tcnn.vn*

Ghi chú:

- (1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2016, tr.206.
- (2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2011, tr.309.
- (3), (5) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Văn phòng Trung ương Đảng, H.2018, tr.47, tr.55-56.
- (4) Kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6, khóa XI.

BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC CẤP TỈNH LIỆU CÓ "MẠNH DẠN" NHƯ TRUNG ƯƠNG?

Chuẩn đô đốc Lê Kế Lâm cho rằng, thành viên Ban chỉ đạo là nhân sự kiêm nhiệm, nằm trong cấp ủy địa phương, có mạnh dạn phát hiện những sai sót, tham nhũng, tiêu cực của quan chức địa phương?

Tại Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đang diễn ra tại Hà Nội, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho biết, đã có 63/63 tỉnh ủy, thành ủy nhất trí với chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (Ban Chỉ đạo cấp tỉnh).

Tổng Bí thư đề nghị Trung ương nghiên cứu, xem xét, cho ý kiến, quyết định về chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nhằm góp phần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Thành viên Ban Chỉ đạo phải thực sự liêm chính

Trước đó, tại họp báo thông tin cuộc họp Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương vừa qua, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương Nguyễn Thái Học cho hay, với mô hình Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, dự kiến do Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban, phải chịu trách nhiệm trước đảng bộ, chính quyền, trước nhân dân về công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Nếu người đứng đầu không xứng đáng, không làm được thì sẽ có cơ quan có thẩm quyền xử lý.

“Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng đã nói, các cán bộ vào Ban Chỉ đạo cấp tỉnh này trước hết phải gương mẫu, trong sáng, không được tham nhũng vì “tay đã nhúng chàm rồi thì không thể đấu tranh phòng, chống tham nhũng” - ông Học cho biết.

Trao đổi với phóng viên VOV.VN, TS. Lê Trung Kiên, Giảng viên Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) nêu thực tế thời gian qua, mặc dù ở các địa phương đều có cơ quan nội chính, cơ quan kiểm tra và các cơ quan tố tụng khác, song công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở địa phương chưa thực sự hiệu quả, quyết liệt. Nhiều vụ án lớn chỉ khi có sự vào cuộc của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương thì mới được làm sáng tỏ. Theo đó, để khắc phục tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, khi thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh cần phân cấp, phân quyền và cơ chế rõ ràng, phù hợp.

“Thành viên Ban Chỉ đạo thông thường là những người làm công tác kiêm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý. Việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh là gắn trách nhiệm đối với từng cán bộ trong Ban Chỉ đạo; các cán bộ ấy không chỉ “khai hội nghị, viết nghị quyết, ra chỉ thị” mà còn phải phụ trách cụ thể, phải đôn đốc, kiểm tra, giám sát, triển khai thực hiện chức trách, không thể thoái thác, trì trệ, ngồi vào vị trí cho có ban bộ hay biểu hiện “trên nóng, dưới lạnh” - TS. Lê Trung Kiên nêu ý kiến.

TS. Kiên cho rằng, công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cần phải được tiến hành thống nhất, toàn diện, bài bản, đồng bộ, có chiều sâu và sẽ được tiến hành thường xuyên, liên tục, lâu dài bởi vì trong tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền các cấp không tránh khỏi có những “con sâu làm rầu nồi canh”, thoái hóa, biến chất, hoặc như Bác Hồ đã nói “tham nhũng là thứ “giặc nội xâm, “giặc trong lòng”” trỗi dậy trong bất cứ ai. Đó là một thứ “vi trùng độc hại” sẽ đục cho mục ruỗng “cơ thể” Đảng và chính quyền các cấp.

Hơn nữa, việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh để gắn trách nhiệm của người đứng đầu các địa phương trước Đảng, trước Trung ương, nhất là thể hiện năng lực cầm quyền của địa phương trong việc nâng cao nhận thức, chủ động phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, kiểm tra cũng như thể hiện năng lực giám sát, xử lý dứt điểm các vụ việc, không để tồn đọng, không để lách luật, không gây bức xúc trong dư luận địa phương.

“Việc nâng tầm đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để tạo ra sức đề kháng đối với những biểu hiện tiêu cực trong bộ máy, nâng cao ý thức trách nhiệm đạo đức và trách nhiệm chính trị của mỗi cán bộ, đảng viên trước tổ chức, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, sự đoàn kết, thống nhất và giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng và hệ thống chính trị. Qua đó, tiếp tục củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ” - TS. Lê Trung Kiên nhấn mạnh.

Huy động sức mạnh giám sát của Nhân dân

Ứng hộ chủ trương thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh, Chuẩn đô đốc Lê Kế Lâm, nguyên Giám đốc Học viện Hải quân (Bộ Quốc phòng) cũng cho rằng, đây sẽ là “cánh tay nối dài của Trung ương”, giúp Trung ương nắm bắt, xử lý các sự vụ kịp thời hơn, đồng thời uốn nắn những sai sót của cấp dưới (cấp huyện, xã - PV).

Song, Chuẩn đô đốc nhấn mạnh, cần đề phòng việc cơ quan kiểm tra đảng ở địa phương dễ “dĩ hòa vi quý”, “nhìn mặt nhau”; thành viên Ban chỉ đạo là nhân sự kiêm nhiệm, nằm trong cấp ủy địa phương, có mạnh dạn phát hiện những sai sót, tham nhũng, tiêu cực của quan chức địa phương? Hoặc phát hiện những vụ việc vụn vặt, không đáng kể.

Bản khoản của ông Lê Kế Lâm có lý do bởi thực tế thời gian qua, số vụ việc tiêu cực, tham nhũng lớn do địa phương phát hiện còn rất ít. Mặc dù “lò lửa chống tham nhũng” ở Trung ương luôn rực lửa nhưng ở cơ sở vẫn còn nơi này, nơi khác còn "lạnh", biểu hiện ở chỗ nhiều vụ việc nổi cộm gây bức xúc nhưng tiến độ giải quyết còn chậm. Thậm chí Trung ương còn phải đôn đốc thì mới làm, mà làm lại không quyết liệt.

Theo ông, để Ban Chỉ đạo cấp tỉnh hoạt động thực sự hiệu quả thì yếu tố con người là quan trọng nhất. Thành viên Ban Chỉ đạo phải là những người thực sự liêm chính, trong sạch, quyết liệt đấu tranh chống tham nhũng. Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh sau khi được thành lập phải đặt dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Ban Chỉ đạo Trung ương, đồng thời, Ban Chỉ đạo Trung ương phải thường xuyên giám sát, kiểm tra.

“Ngoài thành viên là cán bộ lãnh đạo kiêm nhiệm ở địa phương, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh cần chọn một số đại diện Nhân dân - là những người mạnh dạn đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Ví dụ như vụ việc ở Đồ Sơn, Hải Phòng cách đây hơn chục năm, một vị Đại tá Công an

về hưu mặc dù bị đe dọa, bị trù dập nhưng ông vẫn quyết liệt đưa vụ “ăn” đất đầy tai tiếng của các quan chức thị xã ra ánh sáng. Do đó, cần huy động sức mạnh giám sát của nhân dân, cần chọn được những người dám đấu tranh vào Ban chỉ đạo thì khi đó mới phát huy được hiệu quả” - nguyên Giám đốc Học viện Hải quân cho biết.

Từ một số Bí thư, nguyên Bí thư Tỉnh ủy vi phạm thời gian qua, ông Lê Kế Lâm cho rằng, cần tiếp tục làm tốt công tác quản lý, lựa chọn, cất nhắc, bổ nhiệm cán bộ, nhất là người đứng đầu địa phương phải có tâm, có tầm, thực sự vì dân, vì nước, có lòng tự trọng và tính liêm sỉ.

Cùng chung quan điểm, TS. Lê Trung Kiên cho biết, cán bộ là gốc của mọi công việc. Nếu cán bộ không xứng đáng thì cần phải có phương thức thay thế, xử lý,... để tạo ra đội ngũ dám quyết đoán, dám làm, lãnh đạo và quản lý hiệu quả trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, làm cho bộ máy trong sạch, vững mạnh.

Nguồn: vov.vn

DOANH NGHIỆP 'ĐÓI' NHÂN LỰC CHUYÊN ĐỔI SỐ

Các doanh nghiệp, tổ chức đang đau đầu bởi bài toán thiếu nhân lực chuyên đổi số, công nghệ thông tin...

Nhân lực vừa thiếu, vừa yếu

Với định hướng trở thành tập đoàn công nghệ cao, đóng vai trò tiên phong, dẫn dắt các doanh nghiệp công nghệ số tại Việt Nam, mỗi năm Viettel cần hàng ngàn nhân lực công nghệ cao. Mới đây, trong hơn 1.000 hồ sơ ứng tuyển, Viettel chỉ chọn được hơn 100 ứng viên để đào tạo tham gia các dự án quan trọng phục vụ chiến lược chuyển đổi số quốc gia.

Để mở rộng dây chuyền sản xuất, kinh doanh, cung ứng thiết bị viễn thông cho đối tác trong nước và xuất khẩu, Công ty TNHH Sản xuất Thái Bình Dương Việt Nam cần tuyển nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực công nghệ thông tin phụ trách điều hành hệ thống máy chủ, kết nối các hoạt động giao dịch quốc tế với mức lương khởi điểm 23 triệu đồng/tháng. Sau hơn 6 tháng, doanh nghiệp này mới tuyển được 3 người.

“Chúng tôi đang ‘đói’ nhân sự. Chúng tôi rất cần nhân sự công nghệ thông tin cho việc mở rộng quy mô, công suất của nhà máy, nhưng không tuyển dụng được”, ông Đặng Văn Đảm, Tổng giám đốc Công ty Thái Bình Dương Việt Nam cho biết.

Tập đoàn CMC hợp tác với Samsung cung cấp nhân lực, dù trong bối cảnh dịch bệnh, Samsung vẫn yêu cầu CMC cung cấp hàng ngàn nhân lực mỗi năm. Tuy nhiên, thực tiễn chỉ có khoảng 30% là đảm bảo đáp ứng được yêu cầu.

Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Tập đoàn CMC cho biết, Việt Nam có nhu cầu rất cao về nguồn nhân lực chuyên đổi số, công nghệ thông tin, nhưng khả năng đáp ứng cả về số lượng và chất lượng còn hạn chế.

Theo Tổng giám đốc Huawei Việt Nam David Wei, khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt khoảng 47 triệu lao động trong lĩnh vực công nghệ thông tin vào năm 2030, với chi phí cơ hội hàng năm là 4.238 tỷ USD. Qua khảo sát, hơn 50% Giám đốc điều hành trong khu vực cũng cho hay, rất khó tìm kiếm nguồn nhân lực phù hợp.

Báo cáo của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) chỉ ra, Việt Nam thuộc nhóm các quốc gia chưa sẵn sàng cho cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hầu hết các chỉ tiêu về nguồn nhân lực của Việt Nam đều đang ở thứ hạng thấp. Về chỉ số nguồn nhân lực, Việt Nam xếp thứ 70/100, nếu so sánh với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, thì Việt Nam xếp sau Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philippines và chỉ xếp hạng tương đương Campuchia. Về chỉ số lao động có chuyên môn cao, Việt Nam thuộc nhóm cuối bảng với thứ hạng 81/100. Đây là thách thức đối với các quốc gia đang phát triển trong tiếp cận Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thực hiện chuyển đổi số.

Lời giải duy nhất

Số liệu của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số cho thấy, Việt Nam hiện có hơn 240 trường đại học, trong đó gần 160 trường có chuyên ngành đào tạo kỹ thuật: công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin. Hàng năm, số lượng sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành này vào khoảng hơn 50.000. Nếu tính cả đào tạo nghề ở bậc cao đẳng, trung cấp, con số này vào khoảng hơn 62.000. Nguồn nhân lực ít ỏi này không đảm bảo cho kế hoạch chuyển đổi số quốc gia trên mọi lĩnh vực.

“Các đơn vị đào tạo chính thống về công nghệ thông tin chỉ cung cấp được 40% nhu cầu thực tế. Nhiều doanh nghiệp đưa ra những mức lương hấp dẫn, nhưng vẫn không tìm được ứng cử viên phù hợp. Thực tế, chỉ có khoảng 16.500 sinh viên (chiếm gần 30%) trong tổng số hơn 50.000 sinh viên chuyên ngành công nghệ thông tin tốt nghiệp hàng năm đáp ứng được những kỹ năng và yêu cầu mà doanh nghiệp cần”, TS. Nguyễn Thành Nam, nhà sáng lập FUNiX cho biết.

Lời giải cho bài toán nhân lực chuyển đổi số, công nghệ thông tin là tăng số lượng và chất lượng đào tạo. Nhưng muốn vậy, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng phải cùng đồng hành để hỗ trợ, đặt hàng cho cơ sở đào tạo.

TS. Trần Bá Dương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Thaco chia sẻ: “Chúng tôi là doanh nghiệp, nên cảm nhận rõ nhất về những tác động to lớn của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nếu chúng ta không kịp thời nắm bắt thì sẽ phá sản. Không thể có chuyện đi tắt đón đầu nếu chúng ta không có nền tảng cơ bản, cốt lõi nhất là nguồn nhân lực. Các cơ sở giáo dục phải thay đổi, các chương trình, đề án phải xác định cho được phương pháp tiếp cận chuyển đổi số để từ đó xác định rõ chúng ta có làm được không, làm ra có sử dụng hay không, làm ra có bị bỏ phí hay không”.

PGS. TS. Vũ Hải Quân, Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh cũng cho rằng, mô hình hiệu quả trong đào tạo nhân lực công nghệ thông tin trình độ cao là mô hình liên kết nhà trường, Nhà nước và nhà tuyển dụng. Trong đó, Nhà nước xây dựng hành lang pháp lý, ban hành chính sách, xây dựng chiến lược ở mức vĩ mô và cấp thêm ngân sách. Nhà trường cải tiến chương trình đào tạo, áp dụng các mô hình sư phạm mới (đặc biệt là ứng dụng Internet), tuyển dụng thêm giảng viên, xây thêm phòng học và phòng thực hành, mở rộng quy mô đào tạo. Doanh nghiệp hỗ trợ các trường đại học như tài trợ xây dựng thêm cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; bổ sung thêm nhiều học bổng; nhận sinh viên thực tập; phối hợp cùng thực hiện dự án...

Có thể thấy, nhân lực là mấu chốt quyết định thành bại chuyển đổi số tại doanh nghiệp, tổ chức. Nếu không có kế hoạch tháo gỡ điểm nghẽn này, mục tiêu đưa Việt Nam trở thành “cường quốc số” sẽ mãi chỉ là giấc mơ.

Ông Nguyễn Huy Dũng, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết, trong cơ cấu nguồn nhân lực, tỷ lệ nhân lực kỹ thuật/tổng lao động của nền kinh tế Việt Nam chỉ đạt hơn 1%. Đây là tỷ lệ thấp.

Để nâng tỷ lệ lên tối thiểu 2%, Việt Nam cần đào tạo được ít nhất 70.000 sinh viên đại học chuyên ngành kỹ thuật mỗi năm, tăng khoảng 40% so với hiện nay. Không chỉ là vấn đề số lượng, chất lượng nhân lực cũng là thách thức lớn. Các công nghệ số đang có tốc độ phát triển nhanh, trong khi đó, chương trình đào tạo lại chưa theo kịp.

Nguồn: baodautu.vn

CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 6/5, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 64/NQ-CP về thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; về việc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình một số dự án luật.**

Về thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, Chính phủ đánh giá cao sự cố gắng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan bám sát quy định của Luật Quy hoạch, các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chương trình giám sát tối cao của Quốc hội và các Nghị quyết của Chính phủ, kết luận của Thường trực Chính phủ, chỉ thị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để xây dựng Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành (Báo cáo). Báo cáo đã cơ bản đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan về kết quả thực hiện, những khó khăn, tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân trong quá trình thực hiện Luật Quy hoạch và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Chính phủ đã thảo luận thẳng thắn, trách nhiệm cao với nhiều ý kiến xác đáng, chất lượng, nhất là đối với các vấn đề còn khó khăn, vướng mắc và cần đề xuất với Quốc hội xem xét, tháo gỡ để đảm bảo tiến độ và nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch. Trong khi chờ tổng kết đánh giá toàn diện để đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, thống nhất kiến nghị Quốc hội ban hành Nghị quyết để kịp thời điều chỉnh, xử lý những vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Luật Quy hoạch tại Kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XV theo trình tự rút gọn với nội dung như sau:

Một số giải pháp tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng lập quy hoạch:

a) Cho phép các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh đã được sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến quy hoạch có thể lập đồng thời để bảo đảm tính đồng bộ; quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có nội dung chưa phù hợp thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn, bảo đảm thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

b) Cho phép điều chỉnh tiến độ lập quy hoạch, trong đó tập trung đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định và phê duyệt trong năm 2022 đối với các quy hoạch cấp quốc gia mang tính cấp thiết, tạo thuận lợi cho việc điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cơ bản hoàn thành các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia trong năm 2023.

c) Cho phép các quy hoạch nêu tại điểm c Khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01/01/2019 được tiếp tục thực hiện, kéo dài thời kỳ và

điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch; xem xét, lồng ghép các nội dung liên quan để đưa vào quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

d) Cho phép Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu để lập các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh mà chưa lựa chọn được nhà thầu. Việc chỉ định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, nhà thầu được lựa chọn theo hình thức chỉ định thầu phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật. Trường hợp không áp dụng hình thức chỉ định thầu hoặc áp dụng mà không lựa chọn được nhà thầu thì người có thẩm quyền quyết định hình thức lựa chọn nhà thầu khác để lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

đ) Cho phép sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, phê duyệt, công bố quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành mà chưa được bố trí vốn. Được phép huy động và sử dụng các nguồn vốn xã hội hóa, bảo đảm tuân thủ quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch của Luật Quy hoạch.

e) Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia xác định định hướng phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; định hướng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường có tầm quan trọng cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng mang tính chiến lược trên lãnh thổ bao gồm đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời. Chưa thực hiện điểm n Khoản 2 Điều 22 Luật Quy hoạch về Danh mục dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện.

g) Việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 trong trường hợp quy hoạch thấp hơn được phê duyệt trước nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy hoạch cao hơn được thực hiện theo hướng không phải lập nhiệm vụ lập quy hoạch và giảm bớt một số thủ tục về điều chỉnh quy hoạch.

h) Giao Chính phủ nghiên cứu các quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đảm bảo độc lập, trên cơ sở tăng cường trách nhiệm cho các cấp, rút gọn thủ tục hành chính, không gây phiền hà và phát sinh chi phí, phù hợp với các quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

i) Giao Chính phủ đánh giá tác động việc bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch; nghiên cứu khôi phục lại các quy hoạch sản phẩm cần thiết, mang tính chiến lược, đảm bảo không trái với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

Tại Nghị quyết này, Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 05/7/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết

thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Bộ Tài nguyên và Môi trường khẩn trương nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai để phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị quyết của Quốc hội về giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

Các Bộ nghiên cứu, sửa đổi các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về công tác quy hoạch còn mâu thuẫn, chồng chéo để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm đẩy nhanh tiến độ và chất lượng quy hoạch; khẩn trương rà soát, nghiên cứu và ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành về quy hoạch.

Các Bộ, ngành, địa phương tăng cường hơn nữa trong việc phối hợp để nâng cấp hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia, thống nhất công nghệ, định dạng dữ liệu về quy hoạch, cập nhật, chia sẻ thông tin bảo đảm tính công khai, minh bạch; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quy hoạch; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tổ chức thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tư pháp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan của Quốc hội để hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục trình Quốc hội khóa XV tại kỳ họp thứ 3 về một số giải pháp tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng lập quy hoạch.

Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Quy hoạch và các Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, các luật, pháp lệnh có liên quan để kiến nghị các giải pháp sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác quy hoạch.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi các luật có liên quan đến quy hoạch, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Luật Quy hoạch sau khi được sửa đổi, bổ sung.

Về việc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình dự án Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; dự án Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; dự án Luật Đường bộ, Nghị quyết nêu, trên cơ sở đề xuất của Bộ Công an và kết quả lấy ý kiến Thành viên Chính phủ ngày 16 tháng 4 năm 2022, Chính phủ giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Tờ trình về những nội dung lớn của dự án Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Tờ trình về việc tách Luật Giao thông đường bộ thành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Luật Đường bộ để Ban cán sự đảng Chính phủ xem xét, trình xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị.

*** Ngày 29/4, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2022/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 12/2021/UBTVQH15 ngày 30/12/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc cho phép thực hiện một số cơ chế, chính sách trong lĩnh vực y tế để phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19.**

Theo đó, Nghị định này quy định về: Điều động, huy động người tham gia xét nghiệm, tiêm chủng, khám bệnh, chữa bệnh COVID-19. Kinh phí chi thường xuyên của cơ sở thu

dung, điều trị COVID-19 công lập và hoàn trả chi phí phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19. Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người bệnh COVID-19. Một số cơ chế đặc thù liên quan đến thuốc, nguyên liệu làm thuốc có chỉ định sử dụng phòng, điều trị COVID-19. Chế độ chính sách đối với người được điều động, huy động tham gia phòng, chống dịch COVID-19 bị nhiễm COVID-19; người phải cách ly y tế sau thời gian làm việc tại cơ sở thu dung, điều trị COVID-19.

Về thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người bệnh COVID-19, Nghị định nêu rõ:

Thứ nhất, đối với cơ sở thu dung, điều trị COVID-19 công lập, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định này: a) Ngân sách nhà nước thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh COVID-19 bao gồm: Tiền khám bệnh, tiền giường và dịch vụ kỹ thuật. Việc thanh toán thực hiện theo số lượng dịch vụ y tế thực tế sử dụng và mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Chi phí thuốc, hóa chất, vật tư y tế, máu, dịch truyền chưa được tính trong giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hoặc sử dụng trong các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chưa được ban hành giá. Việc thanh toán thực hiện theo số lượng thực tế sử dụng và giá mua vào theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Chi phí thuốc, hóa chất, vật tư y tế, máu, dịch truyền không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế. Việc thanh toán thực hiện theo số lượng thực tế sử dụng và giá mua vào theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Dịch vụ kỹ thuật không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế. Việc thanh toán thực hiện theo số lượng dịch vụ y tế thực tế sử dụng và mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở đó hoặc của bệnh viện chủ quản.

b. Đối với chi phí khám bệnh, chữa bệnh các bệnh khác trong quá trình điều trị COVID-19, quỹ bảo hiểm y tế thanh toán phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi được hưởng và mức hưởng bảo hiểm y tế như trường hợp đi khám bệnh, chữa bệnh đúng tuyến. Người bệnh COVID-19 có thể bảo hiểm y tế tự chi trả chi phí cùng chi trả và các chi phí ngoài phạm vi được hưởng (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

c. Trường hợp cơ sở thu dung, điều trị COVID-19 không bóc tách được chi phí khám bệnh, chữa bệnh COVID-19 và các bệnh khác để thanh toán theo các nguồn hoặc không thu được các khoản chi phí phát sinh trong quá trình điều trị mà người bệnh phải trả theo quy định do một trong các nguyên nhân bất khả kháng thì được ngân sách nhà nước chi trả theo số lượng dịch vụ y tế thực tế sử dụng và mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Thứ hai, mức giá dịch vụ, danh mục thuốc khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: áp dụng theo hạng, theo tuyến của cơ sở thu dung, điều trị COVID-19 do hoặc bệnh viện chủ quản.

Thứ ba, việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh COVID-19 tại cơ sở y tế tư nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý, chăm sóc sức khỏe, điều trị COVID-19 được thực hiện theo nguyên tắc sau đây: a) Chi phí khám bệnh, chữa bệnh COVID-19 tại cơ sở y tế tư nhân được ngân sách nhà nước và quỹ bảo hiểm y tế chi trả theo nguyên tắc tại (1a), (1b) nêu trên. B) Mức giá dịch vụ, danh mục thuốc, vật tư y tế và mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh COVID-19: áp

dụng theo hạng, theo tuyến của bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh hạng cao nhất đóng trên địa bàn. C) Sở Y tế có trách nhiệm ký hợp đồng với cơ sở y tế tư nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý, chăm sóc sức khỏe, điều trị COVID-19. Đối với các trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý, chăm sóc sức khỏe, điều trị COVID-19 trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc thanh toán chi phí căn cứ quyết định giao nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh hoặc hợp đồng hoặc biên bản nghiệm thu giữa Sở Y tế và cơ sở y tế tư nhân.

Thứ tư, đối với việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong năm 2021 của Bệnh viện điều trị COVID-19 trực thuộc Bệnh viện Đại học Y Hà Nội; Trung tâm Hồi sức tích cực người bệnh COVID-19 trực thuộc Bệnh viện: Bạch Mai, Việt Đức, Trung ương Huế, Đại học Y Dược Hồ Chí Minh, Phôi Trung ương, Nhi Trung ương, Trung ương Thái Nguyên do Bộ Y tế thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Long An và cơ sở thu dung, điều trị COVID-19 công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh: a) Ngân sách nhà nước thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh COVID-19 theo số lượng thực tế sử dụng và giá mua vào theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Trường hợp cơ sở thu dung, điều trị COVID-19 không đủ trang thiết bị để thực hiện một số dịch vụ kỹ thuật thì được ký hợp đồng dịch vụ y tế với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác trên địa bàn có đủ điều kiện thực hiện theo quy định chuyên môn, được ngân sách nhà nước thanh toán theo mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện dịch vụ. b) Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh các bệnh khác trong quá trình điều trị COVID-19 theo phạm vi được hưởng và mức hưởng bảo hiểm y tế như trường hợp đi khám bệnh, chữa bệnh đúng tuyến; Người bệnh COVID-19 có thể bảo hiểm y tế tự chi trả chi phí cùng chi trả và các chi phí ngoài phạm vi được hưởng (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế. c) Trường hợp cơ sở thu dung, điều trị COVID-19 không bóc tách được chi phí khám bệnh, chữa bệnh COVID-19 và các bệnh khác để thanh toán theo các nguồn hoặc không thu được các khoản chi phí phát sinh trong quá trình điều trị mà người bệnh phải trả theo quy định do một trong các nguyên nhân bất khả kháng thì được ngân sách nhà nước chi trả theo số lượng thực tế sử dụng và giá mua vào theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Thứ năm, nguyên nhân bất khả kháng quy định tại điểm c Khoản 1 và điểm c Khoản 4 Điều 7 Nghị định này bao gồm: a) Người bệnh tử vong trong quá trình điều trị nhưng cơ sở y tế không liên hệ được với thân nhân, người nhà người bệnh; b) Người bệnh không có thân nhân, người nhà và không đem theo giấy tờ tùy thân khi vào điều trị tại cơ sở y tế; c) Người bệnh, thân nhân, người nhà người bệnh không mang đủ tiền để chi trả chi phí điều trị.

Thứ sáu, cơ sở thu dung, điều trị COVID-19, bệnh viện chủ quản chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý của số liệu báo cáo bảo đảm không để xảy ra thất thoát, lãng phí và tiêu cực.

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định về chế độ chính sách đối với người được điều động, huy động tham gia phòng, chống dịch COVID-19 bị nhiễm COVID-19.

Cụ thể, đối với người tham gia phòng, chống dịch COVID-19 đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước, từ nguồn thu sự nghiệp của cơ sở y tế công lập: Được hưởng tiền lương, tiền

công, phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật trong thời gian điều trị do bị nhiễm COVID-19. Trong đó, quỹ bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, ngân sách nhà nước chi trả phần còn lại.

Được hưởng các chế độ phòng, chống dịch COVID-19 nếu tham gia thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian điều trị COVID-19.

Đối với người tham gia phòng, chống dịch COVID-19 không hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng không tham gia đóng bảo hiểm xã hội được hưởng các chế độ phòng, chống dịch COVID-19 nếu tham gia thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian điều trị COVID-19.

Đối với người tham gia phòng, chống dịch COVID-19 không hưởng lương từ ngân sách nhà nước ngoài các chế độ quy định trên, được ngân sách Nhà nước hỗ trợ một lần với mức như sau: Đối với người tham gia phòng, chống dịch COVID-19 từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 30 ngày mức 1.855.000 đồng/người. Đối với người tham gia phòng, chống dịch COVID-19 từ 30 ngày liên tục trở lên mức 3.710.000 đồng/người.

Về chế độ chính sách đối với người tham gia phòng, chống dịch COVID-19 đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước, từ nguồn thu sự nghiệp của các cơ sở y tế công lập phải cách ly y tế sau thời gian làm việc tại cơ sở thu dung, điều trị COVID-19, được hưởng nguyên lương tiền lương, tiền công, phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật trong thời gian phải cách ly y tế sau thời gian làm việc tại cơ sở thu dung, điều trị COVID-19.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 02/5, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký xác thực Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BNV ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.**

04 nhóm đối tượng áp dụng

Thứ nhất, cán bộ, công chức, viên chức xếp lương theo bảng lương chuyên gia cao cấp, các bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ làm việc trong các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn (cấp xã) và trong các đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

Cán bộ trong các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thuộc diện xếp lương theo ngạch, bậc công chức hành chính quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

Công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập xếp lương theo bảng lương chuyên gia cao cấp, bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ (bao gồm cả các chức danh chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát);

Cán bộ cấp xã quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 và công chức cấp xã quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (Nghị định số 92/2009/NĐ-CP).

Thứ hai, những người xếp lương theo bảng lương chuyên gia cao cấp, bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ do Nhà nước quy định được cấp có thẩm quyền quyết định đến làm việc tại các dự án và các cơ quan, tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam mà vẫn thuộc danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.

Thứ ba, những người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có thỏa thuận trong hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Thứ tư, những người xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định thuộc chi tiêu biên chế được ngân sách nhà nước cấp kinh phí trong các hội có tính chất đặc thù quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù.

Thông tư này không áp dụng đối với: Cán bộ thuộc diện xếp lương theo bảng lương chức vụ đã được xếp lương theo nhiệm kỳ; Cán bộ cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Công chức cấp xã chưa tốt nghiệp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

Chế độ nâng bậc lương thường xuyên

Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này, nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch công chức (sau đây gọi là ngạch), trong chức danh nghề nghiệp viên chức, chức danh chuyên gia cao cấp và chức danh chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát (sau đây gọi là chức danh) hiện giữ, thì được xét nâng một bậc lương thường xuyên khi có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh và đạt đủ tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này trong suốt thời gian giữ bậc lương như sau:

Thời gian giữ bậc để xét nâng bậc lương thường xuyên: Đối với chức danh chuyên gia cao cấp: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong bảng lương chuyên gia cao cấp, thì sau 5 năm (đủ 60 tháng) giữ bậc lương trong bảng lương chuyên gia cao cấp được xét nâng một bậc lương.

Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 3 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương.

Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống và nhân viên thừa hành, phục vụ: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 2 năm (đủ 24 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương.

Các trường hợp được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên, gồm: Thời gian nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động; Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; Thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (trong thời gian giữ bậc) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; Thời gian được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước, ở nước ngoài (bao gồm cả thời gian đi theo chế độ phu nhân, phu quân theo quy định của Chính phủ) nhưng vẫn trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị; Thời gian cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia phục vụ tại ngũ theo Luật Nghĩa vụ quân sự.

Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên, gồm: Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương; Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định; Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam và các loại thời gian không làm việc khác ngoài quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này; Thời gian tập sự (bao gồm cả trường hợp được hưởng 100% mức lương của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức tập sự); Thời gian cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ; Thời gian thử thách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên thì tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên; Thời gian nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành của pháp luật.

Tổng các loại thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên quy định tại Điểm này (nếu có) được tính tròn tháng, nếu có thời gian lẻ không tròn tháng thì được tính như sau: Dưới 11 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ hằng tuần và ngày nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động) thì không tính; từ 11 ngày làm việc trở lên tính bằng 01 tháng.

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định chi tiết về: tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên; thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên; chế độ nâng bậc lương trước thời hạn; chế độ nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã có thông báo nghỉ hưu;...

Thông tư số 03/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và Mục I Thông tư số 83/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005

của Bộ Nội vụ hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương và các chế độ phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Các đối tượng thuộc lực lượng vũ trang và người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu có hướng dẫn riêng.

Các đối tượng làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

*** Ngày 02/5, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký xác thực Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức.**

3 nhóm đối tượng áp dụng

Thứ nhất, cán bộ, công chức, viên chức xếp lương theo các bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ làm việc trong các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến xã, phường, thị trấn và trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, gồm: cán bộ bầu cử trong các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thuộc diện xếp lương theo ngạch, bậc công chức hành chính và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức xếp lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ (bao gồm cả các chức danh chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát và các chức danh lãnh đạo bổ nhiệm) làm việc trong các cơ quan nhà nước và trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; công chức ở xã, phường, thị trấn.

Thứ hai, cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế nhà nước và xếp lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ do Nhà nước quy định được cử đến làm việc tại các hội, các tổ chức phi chính phủ, các dự án và các cơ quan, tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam.

Thứ ba, những người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có thỏa thuận trong hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (gọi tắt là người lao động).

Thông tư này không áp dụng đối với: chuyên gia cao cấp; cán bộ giữ chức danh lãnh đạo thuộc diện hưởng lương theo bảng lương chức vụ đã được xếp lương theo nhiệm kỳ.

Điều kiện và tiêu chuẩn được hưởng phụ cấp

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại điểm 1 Mục I Thông tư này, nếu đã xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch công chức, viên chức (sau đây viết tắt là ngạch); trong chức danh chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát (sau đây viết tắt là chức danh) hiện giữ, thì được xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung khi có đủ điều kiện thời gian giữ bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh và đạt đủ tiêu chuẩn hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung như sau:

Thời gian giữ bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ để xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung quy định như sau: a) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã có 3 năm (đủ 36 tháng) xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch công chức, viên chức từ loại A0 đến loại A3 của bảng 2, bảng 3 quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và trong chức danh chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát quy định tại Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. b) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã có 2 năm (đủ 24 tháng) xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch công chức, viên chức loại B và loại C của bảng 2, bảng 3 và ngạch nhân viên thừa hành, phục vụ xếp lương theo bảng 4 quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

Các trường hợp được tính và không được tính vào thời gian để xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung được xác định như các trường hợp được tính và không được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên quy định tại điểm 1.2 và điểm 1.3 Mục II Thông tư số 03/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức (Thông tư số 03/2005/TT-BNV).

Tiêu chuẩn hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung thực hiện như hai tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên quy định tại điểm 2.1 và điểm 2.2 Mục II Thông tư số 03/2005/TT-BNV trong suốt thời gian giữ bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ hoặc trong thời gian của năm xét hưởng thêm phụ cấp thâm niên vượt khung...

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hướng dẫn tại Thông tư này được áp dụng kể từ ngày 01/10/2004.

*** Ngày 28/4, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 25/2022/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán thay thế Thông tư số 272/2016/TT-BTC.**

Theo đó, Thông tư bổ sung thu phí giám sát chứng khoán phái sinh, cụ thể như sau: Phí giám sát chứng khoán phái sinh đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC): 10% doanh thu giá dịch vụ quản lý vị thế/giá dịch vụ bù trừ và giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ. Phí giám sát chứng khoán phái sinh đối với Sở Giao dịch chứng khoán: 10% doanh thu giá dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh.

Đồng thời, Thông tư bổ sung thu phí giám sát hoạt động chứng khoán đối với ngân hàng thanh toán: Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm: 0,001% giá trị bù trừ, thanh toán ròng/ngày thanh toán, tối đa 1.000.000 đồng/ngày. Đối với trái phiếu doanh nghiệp: 0,0001% giá trị bù trừ, thanh toán ròng/ngày thanh toán, tối đa 100.000 đồng/ngày.

Một số loại phí, lệ phí vẫn được giữ nguyên mức thu như: Lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán 20 - 100 triệu đồng/giấy phép; lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán là 30 triệu đồng/giấy phép...

Thông tư quy định, người nộp lệ phí phải nộp toàn bộ số tiền lệ phí khi được cấp giấy phép, giấy chứng nhận hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Định kỳ chậm nhất là ngày thứ hai hàng tuần, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được trong tuần trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Tổ chức thu thực hiện nộp 30% số tiền phí thu được và 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước.

Tổ chức thu phí được để lại 70% số tiền phí thu được, để sử dụng theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, Quyết định số 29/2009/QĐ-TTg ngày 20/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Thông tư số 104/2009/TT-BTC ngày 25/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thực hiện Quyết định số 29/2009/QĐ-TTg ngày 20/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2022.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Cử ông Hà Kim Ngọc, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao kiêm giữ chức Chủ tịch Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam thay cho ông Đặng Hoàng Giang.

* Thành lập Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực:

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh vừa ký Quyết định số 574/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 thành lập Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực nhiệm kỳ 2022 - 2026. Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam làm Chủ tịch Hội đồng.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Kim Sơn làm Phó Chủ tịch Hội đồng.

27 Ủy viên gồm: Đại diện lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Hội Khuyến học Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng một số trường đại học;...

* Tổng cục Thể dục - Thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch):

Ông Đặng Hà Việt, Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục Thể thao TP. Hồ Chí Minh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Cục trưởng Tổng cục Thể dục - Thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* Thành phố Hà Nội:

Ông Phạm Văn Chiến, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ quận Hà Đông, giới thiệu Hội đồng nhân dân quận bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hà Đông nhiệm kỳ 2021-2026.

Ông Lý Duy Xuân, Phó Bí thư Thành đoàn được điều động đến nhận công tác tại Huyện ủy Thanh Trì, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy để phân công giữ chức vụ Trưởng ban Ban Tuyên giáo Huyện ủy Thanh Trì.

Bà Bùi Thị Lan Phương, Phó Bí thư Thành đoàn được điều động đến nhận công tác tại quận Tây Hồ, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ quận và được giới thiệu Hội đồng nhân dân quận bầu giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Lê Thanh Nam, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đến nhận công tác tại huyện Đan Phượng; chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Đan Phượng nhiệm kỳ 2020 - 2025 phụ trách công tác chính quyền; giới thiệu để Hội đồng nhân dân huyện Đan Phượng bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

* Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Lê Minh Tấn, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được nghỉ hưu trước tuổi theo nguyện vọng.

Ông Lê Văn Thịnh, Bí thư Quận ủy quận Bình Tân được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Bí thư Đảng ủy Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Huỳnh Khắc Điệp, Chánh Văn phòng Thành ủy được điều động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Quận ủy, giữ chức vụ Bí thư Quận ủy quận Bình Tân, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Mạnh Cường, Bí thư Quận ủy Quận 5 được điều động, phân công, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Thành ủy.

*** Tỉnh Nghệ An:**

Ông Nguyễn Việt Hưng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy được luân chuyển, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Nội vụ, kể từ ngày 09/5/2022.

Nguồn: baochinhphu.vn